

Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn  
Ngài là bậc ỨNG CÚNG  
Đấng CHÁNH BIẾN TRỊ

## TRỪNG TRỊ TỖ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN

Quyển thứ 19 này, nguyên bản được lưu hành riêng. Đề mục chỉ gọi là “*Tứ phần luật tạng*” ... Nay hiệp lại in chung thành một pho, chỉ thêm trước là “Trùng trị” sau là “Tỳ-ni” ... nơi đề mục.

Trong chánh văn và văn giải thích, có một số chữ nhỏ viết thành hai hàng là y theo nguyên bản. Lân khắc bản kỳ này thưa rõ như vậy.

### LƯỢC GIẢI THÍCH KIỀN-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI, TIỂU THEO TỨ PHẦN LUẬT TẠNG

Hán dịch: Ngài Tam Tạng Phật-đà-da-xá và ngài Trúc-phật-niệm

Bồ-tát Sa-di Trí Húc, tục danh Tế Minh, người (Mộc Độc) huyện Cổ Ngô giải thích

Kiề-độ, giải thích gọn có hai nghĩa:

1. Thuyết minh những phần giống nhau.
2. Thuyết minh riêng từng vấn đề.

Phần giống nhau thì “Đại” là Tỳ-kheo, “Tiểu” là Sa-di, cả hai đều lấy giới làm gốc. Ai không trì giới

này, không phải là đệ tử của Phật, Phật không phải là thầy của họ. Do đó có tên là đại tiểu Trì giới Kiề-độ. Chúng ta nên biết trong phần này đồng với giới của Tỳ-kheo. Cho đến những phương pháp đoạn trừ tất cả pháp chướng đạo được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Xả ly 5 triền cái, an trú vào Tứ thiên gọi là Thiên giới. Chúng được Ngũ thông Tam minh gọi là Vô lậu giới. Ba loại giới này là con đường chung để ra khỏi thế gian. Trong văn tuy chỉ nói Tỳ-kheo, thật ra chung cả Sa-di cùng tu tập vậy.

Phần chi tiết thì “Đại” là Đại thừa, tự lợi lợi tha. “Tiểu” là Tiểu thừa, chuyên cầu tự lợi. Cả hai đều lấy giới này làm gốc. Không giữ giới này, tự lợi lợi tha đều mất. Kinh *Hoa nghiêm* nói: “... thọ trì đầy đủ giới pháp oai nghi, có khả năng khiến cho hột giống Tam bảo không đoạn tuyệt.”

Kinh *Niết-bàn* nói: “Bồ-tát thường suy nghĩ, đời sống xuất gia thoả mái, rộng rãi như hư không, tất cả pháp lành đều tăng trưởng từ đó. Đời sống tại gia bị bức bách, ràng buộc như lao ngục, tất cả pháp ác đều phát sanh từ đó. Các ngài đến chỗ chư Tăng ở, nghe Phật nói đạo Vô thượng, Chánh pháp Vô thượng, đại chúng phạm hạnh chơn chánh, liền cầu xuất gia, Bạch tứ yết-ma, thọ trì trọng giới thuộc tánh, dứt cơ hiểm ở đời, bình đẳng không sai biệt. Như người ôm phao nổi vượt qua biển lớn. Không thể vì sự cầu xin tha thiết của la-sát mà tự hủy mình. Hành giả trì giới này có thể phát sanh năm chi giới:

1. *Căn bản nghiệp thanh tịnh giới*: Mười điều thiện là tánh giới của các giới. Tức chỉ cho: Không sát sanh, không trộm cắp v.v.... theo văn này vậy.

2. *Những giới thanh tịnh khác quyển trước* sau: “Trước” là chỉ cho thời gian phương tiện để phạm giới, “Sau” là chỉ cho hai thiên về sau. Dù trước hay sau đều lệ thuộc vào căn bản giới. Chữ “khác” là chỉ cho tùy luật oai nghi và các kinh cấm chế. Như 24 giới trong kinh *Phương đẳng*. Ở đây gọi là “chi” tức là chỉ cho sự xa lìa các pháp chướng đạo, theo văn này vậy.

3. *Phi chư ác giới, Giác thanh tịnh giới*: Tức chỉ cho Định cộng giới. Nghĩa là một lòng trừ trừ cái đạt được các căn của Thánh, theo văn này vậy.

4) *Hộ trì chánh niệm, niệm thanh tịnh giới*: Tức chỉ cho Đạo cộng giới. Là Tứ niệm xứ quán trong văn này.

5) *Hồi hướng cụ túc, Vô thượng đạo giới*: Tức chỉ cho Đại thừa giới. Nghĩa là Bồ-tát ở trong giới này đủ Tứ hoằng thệ nguyện Lục độ, hết lòng phát nguyện hồi hướng Bồ-đề. Tứ hoằng thệ nguyện: Bồ-tát tự thương thân mình và các chúng sanh phá giới, tạo tội, mất thân người, trời và sự an lạc của Niết-bàn, tức biết rõ Tập đế. Khi qua lại trong sanh tử, chịu quả báo các đường ác, tức biết rõ Khổ đế. Vì khổ và tập nghịch chiều với Giới, Định, Tuệ, do đó không có Đạo đế. Vì không có Đạo đế cho nên không chứng

đắc Niết-bàn, tức không có Diệt đế. Nay muốn nhổ gốc Khổ, Tập nên khởi tâm đại bi phát hai thệ nguyện:

Y vào Khổ đế mà phát “Chúng sanh không số lượng, thệ nguyện đều độ khắp”.

Y vào Tập đế mà phát “Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch”.

Muốn tu Đạo để chứng Diệt phải khởi tâm đại từ, phát hai thệ nguyện:

Y vào Đạo đế mà phát “Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học”.

Y vào Diệt đế mà phát “Phật đạo không gì hơn, thệ nguyện được viên thành”.

#### Lục Độ:

Ghê tởm điều ác, xuất gia từ bỏ sự yêu thích, tức Đàn-na Ba-la-mật (Bố thí Ba-la-mật). Mảy may không phạm giới chống cự lại quỷ la-sát, tức Thi-la Ba-la-mật (Trì giới Ba-la-mật). Hay kiểm soát thân tâm, an nhiên trước sự đánh mắng, gọi là Sanh nhẫn. Chịu đựng nóng lạnh nhiếp phục tham nhuế và tám thứ gió... gọi là Pháp nhẫn. Không bị tổn hoại bởi ái kiến tức là Sằn-đề Ba-la-mật (Nhẫn nhục Ba-la-mật). Giữ gìn học giới, không sanh tâm trái phạm, tức là Tinh tấn Ba-la-mật. Quyết định trì giới, không bị hồ nghi cuồng loạn, chuyên tâm bất động, tức Thiền-na Ba-la-mật. Thấu rõ nhân quả, biết Giới là chánh thuận với căn bản của giải thoát, xuất sanh tất cả

Thánh quả của ba thừa, chẳng phải 62 tà kiến của ngoại đạo, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hết lòng phát nguyện, chỉ cho 12 thệ nguyện để tự chế tâm mình trong kinh *Phạm võng*. Trong tạng Luật cũng thuyết minh đầy đủ ý này. Lại phát nguyện: Nguyện tất cả chúng sanh, được giới thanh tịnh, giới thiện pháp, cho đến đầy đủ các giới Ba-la-mật... Trong *Diệu huyền*<sup>1</sup> và *Thích thêm*<sup>2</sup> có giải thích đầy đủ 10 chi giới pháp này.

Hồi hướng Bồ-đề, tức dùng công đức trì giới này trang nghiêm Vô thượng Bồ-đề. Kinh *Bồ-tát thiện giới* nói: Giới cấm của Thanh văn và tất cả thiện pháp, đều là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chi thứ năm này là Vô thượng đạo giới; nếu xét theo văn này thì Tứ thiên, Ngũ thông, Tam minh, đều thu vào bốn chi trước, tất cả đều quy về Đại thừa vậy. Trí Giả Đại sư nói: Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, 250 pháp giới đều là Ma-ha-diễn (Đại thừa). Ngài Kinh Khê nói: Một cử chỉ, một động tác, đâu chẳng phải là pháp giới. Lại nói: Giới không có đại tiểu, do tâm người cảm thọ phân định; Trung đạo biến nhập cả Không quán và Giả quán cùng sự luật nghi, có thể mới được gọi là trì giới đầy đủ. Nên biết Đại thừa cũng dùng giới này làm căn bản, cần phải

<sup>1</sup> Diệu huyền: là Diệu pháp liên hoa kinh huyền nghĩa, 20 quyển, Tuỳ – Trí Khải thuyết, tr. 681, Đại 33n1716.

<sup>2</sup> Thích thêm: Xem cht. 20, Trùng trị q. 11 (bản Việt).

phân chia khoa tiết rõ ràng vậy. Lược giải nghĩa chữ “đại” xong. Tiếp theo đây là phần chánh văn được chia làm hai: thứ nhất phát khởi nhân duyên. Thứ hai, nói về pháp yếu.

#### A. PHÁT KHỞI NHÂN DUYÊN:

Bấy giờ, đức Thế Tôn trụ tại nước Câu-thiểm-di (hoặc gọi là Câu-thiểm-tỳ, hay Kiêu-thưởng-di, thuộc về Trung Ấn Độ). Vua Ưu-đà-diên là thân hậu trí thức với ngài Tân-đầu-lô (*Ưu-đà-diên tức là Ưu-điền, hay là Ô-đà-diễn-na, Trung Hoa dịch là Xuất Thọ, Tân-đầu-lô, Trung Hoa dịch là Bất Động. Họ ngài là Phả-la-đạo. Ngài rất thông minh, có tài ăn nói*). Nhà vua sớm chiều thường đến viếng thăm Tôn giả. Khi ấy, có một đại thần người Bà-la-môn tháp tùng nhà vua, không có lòng tin đối với Phật Pháp, tâu với vua rằng:

- Tại sao Đại vương sớm chiều đến thăm hỏi kẻ hành nghiệp hạ tiện này, mà thấy vua lại không đứng dậy. Vua liền phán rằng:

- Sáng mai, ta sẽ đến, nếu cố ý không đứng dậy, sẽ giết kẻ ấy.

Sáng ngày mai vua liền đến, Tôn giả Tân-đầu-lô từ xa thấy vua đến, liền nghĩ:

- Hôm nay vua đến với ác tâm, nếu ta không đứng dậy sẽ bị mất mạng, nếu ta đứng dậy nhà vua sẽ bị mất ngôi. Nhưng nếu ta không đứng dậy. Vua sẽ giết

ta, và sẽ đọa địa ngục. Nên để cho vua đọa địa ngục hay nên để cho vua mất ngôi?

Tức thời lại nghĩ: “Thà để cho vua mất ngôi, chứ không nên để cho vua đọa địa ngục”. Do vậy liền đứng dậy từ xa đón chào, vấn an nhà vua:

- Làm thay! Đại vương.

Nhà vua liền hỏi:

- Tại sao hôm nay Tôn giả lại đứng dậy chào đón vấn an trẫm?

Tôn giả đáp:

- Vì vua cho nên đứng dậy.

Vua hỏi:

- Hôm qua, tại sao không đứng dậy?

- Cũng vì vua.

- Tại sao cũng vì trẫm?

- Hôm qua nhà vua đến với thiện tâm, nay nhà vua đến với ác tâm. Nếu tôi không đứng dậy, vua sẽ giết tôi, và chắc chắn do vì giết tôi mà nhà vua sẽ vào địa ngục. Cho nên tôi nghĩ: “Nhà vua này mang ác tâm đến, nếu ta không đứng dậy sẽ giết ta, nếu ta đứng dậy, ắt nhà vua sẽ mất ngôi. Nếu vua giết ta vua ắt sẽ đọa vào địa ngục. Thà để vua mất ngôi chứ không nên để vua đọa vào địa ngục, cho nên tôi đứng dậy.”

Vua hỏi:

- Trẫm sẽ mất ngôi à?

Tôn giả trả lời:

- Sẽ mất.

Vua lại hỏi:

- Bao nhiêu ngày nữa sẽ mất ?

- Chậm lắm là mười ngày.

Khi ấy, Vua liền trở về Câu-thiểm-di, sửa chữa thành trì, tích lũy lương thực, chuẩn bị chất đốt, tập hợp binh sĩ để thủ thành. Cảnh giác đầy đủ trong vài ngày và đếm từng ngày... đến ngày thứ bảy, nhà vua tuyên bố:

- Sa-môn nói không thật.

Nhà vua bèn cùng thể nữ du ngoạn bằng thuyền trên sông Hằng. Lúc ấy, trong vương quốc Ủy-thiên (do vua Mãnh Quang trị vì, tên nước ấy không thấy chỗ nào phiền dịch danh từ này) bảy năm không mưa.

Vua nước ấy nghe vua Bình-sa ở nước Ma-kiệt có viên ngọc “Xuất thủy”. Nếu đưa viên ngọc kia ra, thì trời liền mưa.

(*Ma-kiệt, gọi đủ là Ma-kiệt-đà, Trung Hoa dịch là Thiện thắng, hay Vô não, Bất hại, thuộc Trung Ấn Độ. Bình-sa, gọi đủ là Tần-bà-sa-la, Trung Hoa dịch là Mạc thật, hay Hình lao, hay Ảnh kiên, hoặc Ảnh thắng. Nhan sắc người ở đó đoan chánh, thù diệu.*)

Vua nước Ủy-thiên liền cử bốn bộ binh (voi, ngựa, xe, bộ) đến vây kín thành Vương Xá (tên đô thành

*nước Ma-kiệt-đà*). Thành ấy phòng thủ quá chắc chắn, không cách nào chiếm được. Chỉ có khi nào lương thực nước uống trong thành hết, mới có thể chiếm được. Lúc này, những vị đại thần có trí tuệ, tài giỏi trung thành đưa ra một kế sách: Dùng cây trúc nhỏ cắm dưới đáy ao, đem các loại sen cắm vào đầu ngọn các cây trúc. Khi ấy, các vị đại thần đến tâu với vua Bình-sa: “Bệ hạ biết chăng? Thành Vương Xá rất kiên cố, không cách nào chiếm được, trừ khi lương thực cạn hết, mới có thể chiếm được. Nay bệ hạ nên sai sứ đến nói với Vua Ba-la-thù-đề (*vua Mãnh Quang*) thế này: Hãy ngưng vây thành, chúng ta không cần đấu nhau bằng voi, ngựa, xe cộ, dáo, mác nữa. Ngài có thể dùng các loại hoa: Ưu-bát-la (hoa sen xanh), Bát-đầu-ma (hoa sen hồng), Câu-đầu-ma (hoa sen vàng), Phân-đà-lợi (hoa sen trắng), cùng chúng ta đấu nhau. Tôi cũng sẽ dùng các loại hoa như vậy để cùng đấu. Hay ngài có thể chiến đấu với chúng tôi bằng lương thực, chúng tôi cũng sẵn sàng chiến đấu với ngài.”

Vua Bình-sa chấp thuận ý kiến này và sai sứ đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, trình bày vấn đề như trên.

Vua Ba-la-thù-đề nghe sứ giả trình bày, suy nghĩ: “Thành Vương Xá rất kiên cố, chỉ khi nào trong thành lương thực cạn hết, mới có thể chiếm được. Nhưng hiện nay lương thực trong thành rất dồi dào đầy đủ”. Vua nghĩ như vậy mới báo với sứ giả:

- Ta đến đây không vì mục đích vây thành, mà vì đất nước ta bảy năm nay không mưa. Ta nghe trong nước của quý ngài có ngọc thủy châu; nếu đưa ngọc đó ra, thì trời liền mưa. Do đó, ta mới xuất quân tới đây.

Sứ giả trả lời với Đại vương:

- Tại sao lúc ban đầu Đại vương không nói cần ngọc. Nếu nói cần ngọc chúng tôi sẽ trao cho. Vậy, vua nên rút binh, chúng tôi sẽ đưa ngọc sang.

Vua Mãnh Quang rút binh, kéo về hướng nước Câu-thiểm-di. Trên đường đi, vua nghe tiếng cười giỡn của Ưu-đà-diên cùng với thể nữ đi thuyền du ngoạn trên sông Hằng, liền hỏi người gần bên:

- Tiếng cười giỡn ấy là của ai?

Kẻ thần bên cạnh đáp:

- Đại vương không biết hay sao? Vua Ưu-đà-diên cùng các thể nữ đi thuyền du ngoạn trên sông Hằng, đó là tiếng cười của ông ta.

Vua Mãnh Quang ra lệnh cận thân im lặng, và thả voi xuống bên bờ sông Hằng. Người quản tượng liền thả voi trắng thứ nhất xuống sông, núp mình theo voi. Khi ấy, đại thần của vua Ưu-đà-diên thấy voi trắng bên sông, liền tâu vua:

- Tàu bệ hạ có voi hoang ở bờ sông.

Vua liền ra lệnh:

- Hãy im lặng, đưa thuyền vào gần bờ sông, chỗ voi đứng.

Vua Ưu-đà-diên giỏi về phương pháp điều khiển voi. Vua tự đi trước một mình hò hét, đánh đàn để bắt voi. Người quản tượng nhân cơ hội ấy liền bắt vua Ưu-đà-diên. Nhà vua rất sợ sệt; Người quản tượng hỏi vua:

- Ngài có sợ hay không?

Vua đáp:

- Tôi rất sợ.

Người quản tượng nói:

- Vua đừng sợ, Vua Ba-la-thù-đề mời gọi ngài.

Vua càng thêm sợ, nghĩ: Vua Ba-la-thù-đề có giết ta và tùy tùng của ta không?

Sau đó nhà vua được áp giải đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, vua Thù-đề hỏi:

- Nhà ngươi có sợ không?

- Sợ.

- Đừng sợ! Người có thể dạy con trai ta là Cù-ba-la (*chưa thấy phiên dịch*) phương pháp điều khiển voi, và dạy con gái ta đánh đàn cầm.

Vua Ưu-đà-diên được điệu đến nước Ủy-thiên, quản thúc trong bảy năm. Thời gian đó Ưu-đà-diên dạy phương pháp điều khiển voi cho con trai và dạy đàn cầm cho con gái của vua Mạnh Quang. Trong thời gian này Ưu-đà-diên tư thông với con gái của vua, Cù-ba-la biết việc đó, tự nghĩ: “Nếu ta tâu việc này lên vua cha thì Ưu-đà-diên bị giết, ông ấy là thầy

của ta, dạy dỗ ta cực khổ. Đây là con gái vua, kia là vua, xét ra cũng được.” nên che giấu không nói với ai. Sau đó, vua Ưu-đà-diên muốn trốn thoát, tự thu xếp chuẩn bị một con voi mẹ chạy rất mau. Cù-ba-la cũng biết được, suy nghĩ:

- Ông ấy tự trang bị một thớt voi chạy mau, tất muốn chạy trốn. Nếu ta tâu lên vua cha, tất ông ấy bị giết. Ông ấy là thầy của ta, đã dạy dỗ ta cực khổ; do đó, không nói với ai biết. Vua Ưu-đà-diên, đặt vương nữ lên voi, chỉ trong chớp nhoáng đã từ nước Ủy-thiên về đến nước Câu-thiểm-di. Vua đến ngay nơi chỗ phu nhơn Xa-di-bạt-đề (*chưa thấy phiên dịch*) nói như vậy:

- Nay phu nhơn! Trong khi tôi bị quản thúc, có nguyện sẽ cúng dường tám vị Bà-la-môn, đầy đủ tất cả mọi sự nhu cầu. Nay tôi muốn thực hiện điều đó, người cần chu toàn đầy đủ.

Phu nhơn đáp:

- Nếu như vậy thì tất cả mọi vật sở hữu của tôi của vua, như voi, xe, ngựa, vàng bạc, bảo báu, đem dâng cho một người, thì họ cũng nhận hết, vẫn còn thấy chưa đủ.

Vua nói:

- Như vậy thì giải quyết sao bây giờ?

Phu nhơn nói:

- Ở đây có ngài Ma-ha Ca-chiên-diên (*phiên dịch là Văn súc, hay là Ly hữu vô, Phá ngã mạn tâm, người Nam Thiên Trúc, giòng họ Bà-la-môn, một trong mười người đệ tử, luận nghĩa thứ nhất*) là giòng họ đại Bà-la-môn. Nay chúng ta có thể thỉnh ngài và bảy vị Tỳ-kheo, Bà-la-môn, cúng dường đầy đủ như vua đã nguyện. Theo giáo pháp của các ngài thì những thứ chúng ta dâng đó, các ngài không được phép nhận.

Vua nói:

- Rất đúng.

Khi ấy, Vua Ưu-đà-diên liền đến chỗ ngài Ca-chiên-diên, lạy sát chân, quỳ qua một bên. Ngài Ca-chiên-diên thuyết pháp cho vua nghe, làm cho vua được hoan hỷ. Vua nghe pháp hoan hỷ rồi, bạch:

- Ngưỡng mong Tôn giả và bảy vị nhận lời con mời thọ trai vào ngày mai.

Khi ấy, ngài Ca-chiên-diên im lặng nhận lời. Vua thấy ngài Ca-chiên-diên im lặng nhận lời rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân, vui vẻ ra về. Vua về đến cung sửa soạn các món ăn ngon, sáng sớm hôm sau, vua đến thưa:

- Đã đến giờ, mời các ngài quang lâm!

Sáng ngày hôm ấy, ngài Ca-chiên-diên đắp y, bung bình bát, cả thầy tám vị, đến cung vua Ưu-đà-diên, trải tòa, yên ngồi, vua Ưu-đà-diên, tự tay dâng các món ăn ngon, làm cho các ngài được no đủ. Các

ngài dùng xong, Vua lấy bình bằng vàng đựng nước uống, với tất cả lòng cung kính. Ngài Ca-chiên-diên nói:

- Đứng, đứng cúng dường như vậy. Nhà vua cúng dường bữa ăn như vậy là đủ rồi. Chúng tôi không được phép nhận những thứ cúng dường như vậy.

Sau đó vua lại đem xe, ngựa, người, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não bảy báu cúng dường. Ngài Ca-chiên-diên từ chối không nhận vật nào cả. Vua lạy sát chân ngài rồi lấy ghế thấp ngồi qua một bên. Ngài vì vua nói các pháp mầu, khiến vua được hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lui về.

Sau khi về đến chùa, ngài trình bày với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật. Lúc bấy giờ, Phật dùng nhân duyên này, tập hợp đại chúng Tỳ-kheo, vì các Tỳ-kheo nói về Kiền-độ trì giới.

## B. NÓI VỀ PHÁP KIỀN-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI TIỂU

Văn phần đầu như đã biết, văn sau chia làm năm phần:

- Thuyết minh thắng diệu Pháp sư
- Thuyết minh thắng diệu do Tâm
- Thuyết minh thắng diệu của Ba-la-đề-mộc-xoa
- Thuyết minh thắng diệu của Thiên giới
- Thuyết minh thắng diệu của Vô lậu giới.

### I. THẮNG DIỆU PHÁP SƯ

Quốc vương là cha mẹ của dân, phước báu thù thắng. Tại sao bị mất ngôi vua, chỉ vì Tỳ-kheo đứng

dậy nghinh đón khi vua đến chùa? Người nào đầy đủ các thặng diệu nói trên thì trời rồng đều phải tôn trọng, huống nữa là bậc vua trong loài người sao dám xem thường. Người xuất gia ngày nay, tuy chưa chứng được Thiên định, Lục thông, Tam minh, nhưng y theo Phật xuất gia, thọ trì các cấm giới, ở nơi yên tịnh, vốn đã thoát khỏi vòng của đời, đâu cho phép được trách, không dùng nghi lễ để nghinh tiếp. Giả sử có vị Tỳ-kheo oai đức không bằng ngài Tân-đầu-lô, thì các vị cư sĩ hiện nay có được đầy đủ phước đức như quốc vương kia chưa? Ai có lòng tin trong sạch, cần phải suy nghĩ kỹ. Lại nữa, người xuất gia nên tự suy nghĩ rằng: Ta đã lìa bỏ thế tục, được dự vào hàng Tăng bảo, tôn thờ đức Phật làm thầy, là đệ tử của Phật, ta không nên lễ bái quốc vương cha mẹ; trời rồng hộ trì, quỷ thần quy kính, nếu ta không kiên trì cấm giới, xa lìa ác pháp, chuyên tu định tuệ thì chính là mình đối gạt, khi đối tất cả người trời làm nhục nhã cho tất cả hàng Tăng bảo, hủy báng pháp luật, chống trái đức Như Lai, cho nên đức Phật vì các Tỳ-kheo dựa vào nhân duyên này mà nói sự quan trọng của Kiên-độ trì giới. Như có người tự cho mình không có đức, trong lòng ôm sự khiếp nhược, ngược lại cung kính bạch y, gọi là khiêm nhường thì đây là việc làm quá đáng. Tại sao? Sau khi đức Như Lai thị hiện diệt độ, Pháp thân huệ mạng hoàn toàn dựa vào Tăng luân. Tỳ-kheo tuy mới thấm nhuần giới phẩm nhưng bản thể Tăng bảo thì không khác. Tăng sĩ chỉ nên nỗ

lực cố gắng, không nên làm đảo lộn nghi biểu Tăng bảo. Vị nào tự mình xem xét hai ba phen, thấy mình thật không xứng đáng với danh nghĩa của Tỳ-kheo, thà rằng xả giới đừng phá hoại cửa đạo. Xưa kia ông Nguyên Tư từ chối không nhận bổng lộc, đức Khổng Tử không cho, dạy rằng:

- Người làm quan nhận bổng lộc là lẽ thường, được quy định xưa nay. Người nào tài năng không xứng với chức vị, thì nên từ quan, chứ không nên từ chối bổng lộc. Pháp thế gian còn như vậy, huống chi đời với đại pháp xuất thế, đâu có thể tiến thoái một cách cầu thả hay sao?! Ngay như Tỳ-kheo Thường Bất Khinh lay cả bốn chúng. Đây là bắt đầu mở cửa viên mãn giải thoát, tuy mừng mà vẫn lo; nhằm vào thời cơ lúc bấy giờ, cần làm như vậy để đối trị kẻ cương độc ác. Trường hợp này là quyền xảo ngoại lệ, không phải là những phép tắc chung. Nếu không như vậy, tại sao đức Thế Tôn không dùng pháp này làm thường pháp? Ngài Thường Bất Khinh là tiền thân của đức Như Lai. Ngài đã nhờ hạnh này nên sáu căn trong sạch. Nếu cho việc lễ bái tứ chúng là con đường đi chung cho mọi người thì lần đầu tiên đức Phật chuyển pháp luân đã nói rồi, đâu cần giữ kín, lại đi kết Mộc-xoa và cuối cùng nơi song thọ lại cũng đề cao giới luật. Huống chi, nay thời mạt pháp, con người ngày càng tập thêm thói kiêu mạn, Tăng thể ngày thêm đồi bại. Giả sử làm lại hạnh của ngài Bất Khinh, tuy không hướng vào ty liệt mạn, tà mạn,



ngã mạn quá mạn của bốn chúng, nhưng hành động lễ kính như vậy chỉ làm hại chứ không lợi ích gì cả. Cho nên trong kinh *Bồ-tát thiện giới* ghi rằng: “Khi Bồ-tát ngồi thấy vua, hay trưởng giả đứng dậy thì mắc tội. Bồ-tát đã kiết già; thấy vua hay trưởng giả, quỳ thì mắc tội. Nếu y phục chưa chỉnh tề, thấy vua hay trưởng giả đến, sửa y phục thì mắc tội. Nếu khi vua hay trưởng giả nói lời ác, khen tặng theo ý họ thì mắc tội. Nên biết Đại, Tiểu hai thừa đều đi theo một đường, há những việc làm như vậy trong sinh hoạt hằng ngày lại tự gọi cống cao ư? Tuân theo giới pháp của Phật, nên vì vua và trưởng giả mà tiếc phước đức giúp cho họ vậy!”

Trong phần một thuyết minh về thắng diệu Pháp sư chia làm 3 phần:

- Đây đủ 10 hiệu.
- Tự giác vượt khỏi đời.
- Thuyết pháp chơn thiện.

#### 1) Mười hiệu:

Như Lai, Xuất Thế Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Như Lai: Bản giác là Như, Thủ giác là Lai. Thủ giác hiệp với Bản giác nên gọi là Như Lai. Lại nữa, như Nhị thừa mà không đến nơi của Nhị thừa, đến với lục đạo mà không như lục đạo. Phật biết Niết-bàn

tức sanh tử, nên không đồng với Nhị thừa. Biết sanh tử tức Niết-bàn cho nên không đồng với lục đạo.

Xuất Thế: Thị hiện trong ba cõi để độ chúng sanh. Đáng nhận sự cúng dường của chúng sanh trong chín cõi nên gọi là Ứng cúng. Biết các pháp không sai biệt, cũng không cùng tận nên gọi là Chánh Biến Tri. Theo sự giải thích trong giáo môn của Ba tạng thì Nhị thừa đoạn được kiến tư hoặc, chưa đoạn được tập khí, nên “chính” mà “chưa biến”. Bồ-tát tu các Lục độ vạn hạnh hàng phục hoặc nghiệp mà chưa đoạn hết, nên “biến” mà chưa phải “chánh”. Đức Phật đoạn phiền não dứt sạch cả chánh khí và tập khí, lại thấu triệt tận nguồn gốc của các pháp sai biệt, nên được gọi là Chánh biến tri.

Minh Hạnh Túc: Đây đủ Tam minh, Lục thông, Nhị thừa cũng được Tam minh nhưng minh không đầy đủ. Phật thì đầy đủ cho nên có khác vậy.

Thiên Thệ: Trong bộ *Địa trì*<sup>3</sup> nói: Một phen vượt lên khỏi rồi, thì vĩnh viễn không trở lại, cũng gọi là chuyển đi tốt đẹp. *Đại luận*<sup>4</sup> nói: Từ nơi trí tuệ chánh định sâu xa vô lượng đi ra.

Thế Gian Giải: Hiểu rõ tất cả phiền não và thanh tịnh của chúng sanh trong cõi thế gian.

<sup>3</sup> Địa trì: Bồ-tát địa trì kinh, 10 quyển, Bắc Lương – Đàm-vô-sám dịch, tr. 1107, Đại 24n1500.

<sup>4</sup> Đại luận: Đại trí độ luận, 100 quyển, Bồ-tát Long Thọ tạo, Hậu Tấn - Cưu-ma-la-thập dịch, tr. 57, Đại 25n1509.

Vô Thượng Sĩ: Là bậc Tối thắng trên hết trong các loài chúng sanh.

Điều Ngự Trượng Phu: Là đại từ đại bi, điều ngự tất cả. Hoặc có khi dùng lời nói nhu nhuyễn hoa mỹ, có khi dùng lời nói thống thiết; hoặc có khi phải dùng lời nói phức tạp, với mục đích để cho mọi người không mất đạo.

Thiên Nhơn Sư: Chỉ vẽ, hướng dẫn tất cả pháp thiện ác cho trời và người; những điều nên làm và những điều không nên làm.

Phật: Nói cho đủ là Phật-đà, Trung Hoa dịch là người giác ngộ. Tự giác, khác với phàm phu. Giác tha, khác với Nhị thừa; Giác hạnh viên mãn, khác với Bồ-tát.

Thế Tôn: Đây đủ 10 hiệu như trên, ngôi vị được cả trời và người tôn trọng. Nếu giải thích tóm lược thì:

Như Lai là bậc không hư vọng. Ứng Cúng là ruộng phước tốt. Chánh Biến Tri là biết cả pháp giới. Minh Hạnh Túc là đủ Tam minh. Thiện Thệ là không trở ngại. Thế Gian Giải là biết quốc độ của chúng sanh. Vô Thượng Sĩ là không ai bằng. Điều Ngự Trượng Phu là điều phục được người khác. Thiên Nhơn Sư là làm con mắt cho chúng sanh. Phật là bậc biết ba tụ. Thế Tôn là bậc đủ 10 đức.

Cổ Đức lại liệt kê 10 hiệu:

1) Phỏng theo dấu vết người đi trước.

- 2) Đủ khả năng làm ruộng phước.
- 3) Biết hết hiệu của cả pháp giới.
- 4) Quả biểu hiện cho nhân của đức.
- 5) Nhiệm mầu đến Bồ-đề.
- 6) Rõ nguy thông chơn.
- 7) Nhiếp hóa để theo đạo.
- 8) Tùy cơ thuyết pháp.
- 9) Giác ngộ trở về chơn.
- 10) Độc Tôn trong ba cõi.

Ở đây hiệp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm một hiệu, dùng Thế Tôn cộng thành 10 hiệu. Trong khóa tụng của các Tùng lâm hiện nay dùng Thiện Thệ, Thế Gian Giải làm một câu, là không thể được. Lược giải 10 hiệu như vậy; nếu nói hết ý nghĩa thì không thể nào hết được.

## 2) Tự Giác Vượt Khỏi Đời

Đối với tất cả chúng hội Chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, Ngài tự giác ngộ chứng biết.

*(Tất cả Chư thiên cho đến Phạm vương trôi lăn trong đêm dài sanh tử mà không biết. Dù có vọng xưng là Nhất thiết trí thì cũng không phải là Chánh giác. Vì họ chưa thoát được nhân quả trong ba cõi. Đức Phật từ nhiều kiếp tu đạo Bồ-đề ứng hợp với chúng sanh có thể hóa độ các cơ duyên, thị hiện sanh vào cung vua, xuất gia tu khổ hạnh, ngồi dưới gốc cây*

*thành đạo. Ngài dùng 34 tâm diệt trừ hết chánh khí và tập khí trong ba cõi; như thật biết Khổ đế, như thật biết Tập, Diệt, Đạo đế. Giác mộng dài trong ba cõi, từ đây mới tỉnh ngộ, đem dài tâm tối từ nay mới bừng sáng. Ngài không học với một ai, nên gọi là Tự giác, không còn một mảy may mê hoặc cho nên gọi là Giác ngộ. Cảnh giới hiện lượng phân biệt rõ ràng cho nên gọi là Chứng tri.)*

### **3) Thuyết Pháp Chơn Thiện**

Ngài vì người nói pháp. Lời nói đầu, lời nói giữa, lời nói sau cùng đều thiện. Văn nghĩa đầy đủ làm sáng tỏ sự thanh tịnh.

*(Do sự giác ngộ, đối với các pháp không đảo lộn, hợp lý hợp căn cơ, nên gọi là thiện. Sơ, trung, hậu có nhiều ý nghĩa. Hoặc lấy một bài kệ để phân tích thì câu đầu là sơ, hai câu giữa là trung, câu cuối là hậu. Hoặc lấy một quyển sách để phân tích thì phần tựa là sơ, phần chính thuyết là trung, phần lưu thông là hậu. Hoặc lấy cả đời giáo hóa của đức Phật, Đại thừa, Tiểu thừa cộng lại làm sơ, trung, hậu thì Hoa nghiêm là sơ, A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã là trung; Pháp hoa, Niết-bàn là hậu. Hoặc là Đại thừa, Tiểu thừa đều có sơ, trung, hậu.*

*Tiểu thừa thì Lộ Uyển là đầu hết, Di Giáo là sau hết, còn bao nhiêu kinh khác là trung. Đại thừa thì Hoa nghiêm là đầu hết, Niết-bàn là sau hết, còn*

*bao nhiêu kinh khác là trung. Nếu lấy vấn đề giáo hóa cho một người để phân tích thì luận nói về vấn đề bố thí trì giới được sanh thiên là sơ, khen ngợi sự từ bỏ, chê trách dục bất tịnh là trung; giảng nói bốn Chơn để khiến cho họ chứng đạo quả là hậu. Lại khiến cho chứng tiểu quả là sơ; hồi tiểu hướng đại là trung; thọ ký làm Phật là hậu. Lại khiến trông các ăn lành là sơ; khiến cho thuần thực gọi là trung; làm cho giải thoát là hậu. Lại “Thế giới tất-đàn” là sơ; “vì người đối trị ‘tất-đàn’” là trung; “Đệ nhất nghĩa tất-đàn” là hậu. Như vậy, sơ, trung, hậu đâu không hợp lý, hợp căn cơ. Văn, nghĩa đều nhằm mục đích chỉ bày tịnh hạnh để thành tựu tịnh quả, do đó gọi là chơn thiện.)*

## **II. THẮNG ĐIỀU DO TÂM**

Chia làm ba:

- Được nghe Chánh pháp.
- Nghe rồi tin ưa.
- Khó bỏ mà bỏ được.

### **1) Được nghe Chánh pháp:**

Người cư sĩ, con của người cư sĩ, hoặc các người sanh trong họ hàng khác nghe pháp.

### **2) Nghe rồi tin ưa:**

Vị ấy nghe Chánh pháp, bèn sanh tin ưa. Do tâm tin ưa mà nghĩ: Ta hiện nay sống trong gia đình, vợ

con trời buộc, không tu phạm hạnh được hoàn toàn. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc cà-sa, vì lòng tin từ bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình.

### **3) Khó bỏ mà bỏ được:**

Tiền tài thân quyến là những thứ quyến luyến nhất trong thế gian, một lúc bỏ hết, cho nên gọi xuất gia là cái việc của đại trượng phu.

Vào thời gian nào đó, vị ấy từ bỏ tất cả tài sản lớn nhỏ, thân thuộc nội ngoại, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, bỏ gia đình, sống cuộc sống không gia đình.

## **III. THẮNG DIỆU CỦA BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA**

Chia làm hai:

- Thuyết minh về căn bốn thiện giới.
- Thuyết minh xa lìa các điều ác.

### **1) Căn bốn thiện giới:**

Vị ấy cùng người xuất gia, đồng từ bỏ đồ trang sức tốt đẹp, cùng các Tỳ-kheo đồng giữ giới không sát sanh. Buông bỏ đao trượng, luôn luôn có tâm tâm quý, dùng lòng từ nghĩ đến chúng sanh, ấy là không sát sanh. Vị ấy xả bỏ trộm cắp, cho thì lấy, không cho thì không lấy. Tâm của họ thanh tịnh, không có ý trộm cắp, ấy là không trộm cắp. Vị ấy bỏ hạnh bất tịnh, dâm dục, tu phạm hạnh, cần tinh tấn, không đắm ái dục, sống trong sạch thanh tịnh; ấy là bỏ hạnh bất tịnh dâm dục. Vị ấy bỏ nói vọng ngữ, dối với người nói đúng sự thật, không dối trá, ấy là

không nói láo. Vị ấy bỏ nói hai lưỡi, nghe lời nói nơi đây không truyền đến nơi kia, nghe lời nói bên kia không truyền đến bên này. Không gây chia rẽ giữa người này với người kia. Nếu có những người ly biệt, vị ấy khéo làm cho hòa hiệp. Hòa hiệp thân ái, thường khiến cho hoan hỷ. Nói lời hòa hợp, nói đúng lúc, ấy là không nói hai lưỡi. Xa lìa lời thô ác, lời cộc cằn, lời đem lại khổ não cho người, khiến sanh giận hờn không ưa vui. Đoạn trừ những lời thô ác như vậy, nói lời nhu nhuyễn không sanh oán hận, hay làm điều lợi ích, mọi người ưa vui thích nghe vị ấy nói. Thường nói lời lành có ích, ấy là không nói lời thô ác. Xa lìa lời nói không lợi ích, nói đúng thời, nói thật, có lợi ích, nói đúng pháp, đúng luật, chấm dứt sự tranh cãi, cần thì nói, nói đúng thời, ấy là lìa lời nói không lợi ích. Vị ấy không uống rượu, xa chỗ phóng dật. Không say đắm hoa hương anh lạc. Không ngồi nằm giường cao rộng lớn. Không ăn phi thời, chỉ ăn một bữa. Không cầm vàng bạc bầy báu. Không lấy vợ nhỏ vợ hầu, không nuôi nô tỳ, voi, ngựa, xe cộ, gà, chó, heo, dê, nhà cửa ruộng vườn, chất chứa tất cả các vật ấy. Vị ấy từ bỏ tất cả các việc gian lận bằng cân và đo lường. Không chế tạo vật ác, không sống bằng nghề buôn. Vị ấy từ bỏ việc làm thương tổn người khác, không sát hại, trời buộc họ. Vị ấy không bức đoạt tiền tài của người khác, không áp bức họ phải làm việc cho mình. Vị ấy từ bỏ không lường gạt, dối trá làm phát sanh kiện tụng, tránh lẩn hiếp người khác.

Vị ấy từ bỏ các việc bất thiện như vậy. Vị ấy làm việc gì cũng đúng lúc, không đúng lúc không làm. Vị ấy sống biết đủ, ăn vừa đủ no, biết tự lượng khi ăn. Vị ấy bằng lòng với tấm y che thân, đi đâu cũng mang theo y bát như con chim bay đến đâu cũng mang theo hai cánh. Tỳ-kheo cũng vậy, đi đến chỗ nào cũng mang theo y bát.

*(Nơi đây ba giới sát, đạo, dâm là độc lập. Giới không vọng ngữ chia làm bốn, đều thuyết minh “chỉ và hành” hai điều thiện. Không uống rượu... sáu giới chỉ liệt kê giới tướng, không cưới vợ nhỏ, vợ hầu... lược nêu nét chính của oai nghi. Ngoài ra như trong luật có thuyết minh đầy đủ.)*

## **2) Xa lìa các điều ác:**

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, nhận món ăn của tín thí, nhưng vẫn tìm cầu tích chứa nhiều tài sản khác, như y phục thực phẩm, hương vị và các vật vừa ý. Sa-môn Thích tử phải xa lánh những sự việc không tri túc ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn chứa cất các hạt giống, trồng cây cối. Sa-môn Thích tử không làm những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn tạo các điều kiện để tìm cầu những vật quý làm lợi dưỡng, như gà voi, giường cao rộng, các loại chăn nệm trang sức vẽ vờ loè loẹt, với

những tấm da nhiều màu. Sa-môn Thích tử không làm những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn làm các phương tiện để trang sức thân thể cho đẹp, như xoa dầu thơm vào thân, tắm rửa bằng nước thơm, dùng hương thơm xoa thân, xức dầu thơm trên đầu; mang những vòng hoa; nhuộm y phục màu thiên thanh, trang điểm trên đầu trên mặt với nhiều hình thức; cột tơ vào tay, cầm gậy, cầm đao kiếm, che lọng bằng lông con công, lấy ngọc quý gắn vào quạt, soi gương trang điểm, dép da thêu nhiều màu sắc, mặc y phục toàn màu trắng. Sa-môn Thích tử phải tránh xa tất cả những việc trang sức như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn chơi để giải trí, như các loại cờ, loại bạc, hoặc chơi tám cách, hoặc chơi mười cách; hoặc gõ khánh bằng đá... Sa-môn Thích tử phải tránh xa những việc chơi bời như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng chỉ nói những việc làm trở ngại đạo pháp, như nói chuyện về vua, chúa, về giặc giã, về xe ngựa, chiến đấu, về đại thân, chuyện đi xa, ra vào vườn, chuyện nằm ngò, chuyện ăn uống, chuyện đàn bà, y phục, chuyện xóm làng, chuyện quốc độ, chuyện nhân gian, chuyện đi biển. Sa-môn Thích tử

phải từ bỏ không nói về những việc làm trở ngại đạo như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, tạo các phương tiện dùng lời hoa mỹ để nịnh hót, hiện tướng chê bai, hủy báng, dùng lợi cầu lợi. Sa-môn Thích tử nên từ bỏ lối sống tà mạng nịnh hót như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, thường tranh cãi lẫn nhau, hoặc ở trong vườn, hoặc ở nơi ao tắm, hoặc ở nơi nhà giảng nói:

- Tôi biết pháp luật như vậy, thầy không biết. Thầy đến với tà đạo, tôi đến với chánh đạo. Lấy lời trước chép ra sau, lấy lời sau chép ra trước. Tôi nhận được, thầy không thể nhận, tôi hơn thầy. Việc cần hỏi mới nên hỏi.

Sa-môn Thích tử nên từ bỏ tất cả, tránh sự như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, vẫn tạo các phương tiện để làm môi giới như làm thông tin cho vua, cho đại thần của vua, cho Bà-la-môn, cư sĩ, như là: từ chỗ này đến chỗ kia, hoặc từ chỗ kia về chỗ này; mang tin của người này đến cho người kia; đưa tin của người kia đến cho người này, tự hành động hay dạy bảo người khác làm. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn làm những việc tranh đấu nhau để mua vui, như đấu bắn cung, đấu kiếm, đấu gậy, đấu gà chọi, đấu dê đen, đấu dê đực, đấu nai, đấu voi, đấu ngựa, đấu lạc đà, đấu bò, đấu bò rừng, đấu trai, đấu gái, đấu đồng nam, đấu đồng nữ. Sa-môn Thích tử hãy từ bỏ những việc mua vui bằng cách đấu tranh như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng lại làm những việc trở ngại đạo pháp, sinh hoạt tà mạng, như xem tướng tốt xấu của trai gái và các loại súc sanh để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, sinh hoạt tà mạng bằng những việc chướng ngại đạo pháp như mời thỉnh sai khiến quỷ thần, làm nhiều cách yếm đảo... Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí; mà làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt tà mạng; hoặc đọc chú làm cho người bệnh; hoặc đọc ác thuật; hoặc tụng thiện chú; hoặc trị bệnh đau lưng; hoặc làm cho ra mồ hôi; hoặc châm cứu trị bệnh, trị bệnh mũi, bệnh hạ bộ. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt bằng tà mạng, như điều chế thuốc thang, trị bệnh cho người, hoặc là mưa, hoặc là xổ, trị bệnh nan y, trị bệnh nữ. Sa-môn Thích tử phải lìa bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt bằng tà mạng, như đọc chú lửa, đọc chú cho đi lại được bình an, đọc chú cho chiến sĩ ra trận, đọc chú chim, chú chi tiết, vẽ bùa, đọc chú, chú an trú nhà cửa, đọc chú giải trừ lửa đốt, chuột cắn vật dụng. Hoặc tụng các thứ sách đoán mộng, hoặc xem tướng tay, tướng tai, hoặc tụng những lời trời người cầu xin. Hoặc tụng những âm thanh riêng biệt của thú chim. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng sinh hoạt tà mạng, như xem thiên văn thời tiết, hoặc đoán sẽ có mưa, được trúng mùa, bị mất mùa, có bệnh, không có bệnh, gặp tai nạn sợ hãi hay bình an, có động đất, có sao chổi xuất hiện, có nhật thực, không có nhật thực, có nguyệt thực, không có nguyệt thực, có tinh thực, hay không có tinh thực. Đoán nguyệt thực, nhật thực, tinh thực, đưa tới kết quả tốt, kết quả xấu. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ cả những pháp tà mạng ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà làm những việc chướng ngại đạo, sinh hoạt tà mạng, như nói: Nước này sẽ thắng, nước kia thua; nước kia thắng, nước này thua. Phe này thắng, phe kia thua; phe kia thắng, phe này thua. Đoán tất cả việc lành dữ tốt xấu như vậy. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những chướng ngại đạo pháp ấy.

*(Trong đây gồm có 17 đoạn. Hoặc gọi là không nhàm chán, không biết đủ; hoặc gọi là pháp lợi dưỡng, cho đến hoặc gọi là tà mạng chướng ngại đạo; đều là việc làm của một số các Sa-môn, Bà-la-môn khác, mà Sa-môn Thích tử không làm. Nếu Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy thì bỏ nhà đến chùa ở làm gì? Vì không làm các điều trên là căn bản chính yếu thuận cho vấn đề giải thoát. Cho nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, cũng gọi là tăng thượng giới học.)*

#### IV. THẮNG DIỆU CỦA THIÊN GIỚI

Thiên giới cũng gọi là Định cộng giới. Định cộng giới này bao gồm cả định của cõi dục, nhưng ở đây chỉ nói về định căn bản cho nên có khác.

Văn chia làm 4 phần:

- Nhờ giới nhiếp các căn.
- Tiết chế cơ thể ăn uống vừa đủ.
- Tinh tấn tu các niệm xứ.
- Trừ bỏ hẳn 5 triền cái.

**1) Nhờ giới nhiếp các căn:**

Vị ấy trong nếp sống này, tu tập Thánh giới. Bên trong tâm không chấp trước gì cả, nên tâm an lạc. Bên ngoài mắt vị ấy tuy thấy sắc nhưng không nắm giữ tướng, nên không bị sắc lôi kéo. Nhãn căn đã kiên cố, tịch nhiên mà trụ, không còn tham dục không còn lo buồn. Kiên trì giới phẩm, không chạy theo các ác bất thiện pháp. Khéo hộ trì được nhãn căn, thì nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy. Đối với sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần, khéo hộ trì điều phục, khiến vọng tâm đình chỉ, giống như voi ngựa xe qua lại giữa ngã tư đường trên mặt đất bằng phẳng. Người khéo léo điều khiển xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi. Người ấy đã khéo học hộ giới và điều phục luật đi đường, không hề vi phạm. Tỳ-kheo cũng như vậy, sáu căn tiếp xúc với sáu trần phải khéo học hộ trì, điều phục và phải được giữ vững luật định, một cách sáng suốt.

*(Giới pháp trên là miêu tả đường đi của bậc Thánh. Tất cả Thánh nhơn đều lấy giới này làm căn bản; đều y vào giới này mà được giải thoát. Khi một người mới thọ giới, Vô tác luật nghi được phát sanh ngay, tức Vô lậu sắc pháp, cùng với Thánh nhơn đồng thể nên gọi là Thánh giới. Y vào giới này tu tập thì ba nghiệp của thân và bốn nghiệp của miệng được thanh tịnh, tâm được an lạc, lục tặc không thể cướp gia bảo của ta được, nên gọi là kiên cố. Khi lục căn*

*tiếp xúc với sáu trần gọi là lục nhập. Hộ trì là giới, điều phục là định, giữ vững là tuệ. Ngã tư đường bằng phẳng dụ cho bốn Thánh đế là con đường xuất thế. Cầm cương giữ vững ngựa dụ cho “chỉ thiện”, cầm roi giục ngựa tiến tới dụ cho “hành thiện.”)*

**2) Tiết chế cơ thể ăn uống vừa đủ:**

Vị ấy có Thánh giới như vậy, thì sẽ được Thánh nhãn căn. Vị ấy ăn biết vừa đủ, không tham lam mùi vị, ăn với mục đích nuôi cơ thể, không cống cao kiêu mạn.. Vị ấy tự phòng hộ thân thể, không cho phát sanh các đau khổ, bệnh hoạn, để tu tịnh hạnh. Nhờ đó, vị ấy diệt trừ đau khổ cũ, không cho phát sanh những đau khổ mới, các khổ không còn tăng giảm với vị ấy nữa. Vị ấy đủ sức nên vô sự, làm cho thân được an lạc. Ví như người nam nữ nào đó, trên thân bị vết thương đau đớn, họ lấy thuốc xức lên làm cho vết thương được lành. Tỳ-kheo cũng như vậy, biết đủ trong việc ăn uống, làm cho thân an ổn.

*(Tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà sống. Không ăn thì không thể tồn tại được, mà tham đắm việc ăn lại là tăng thêm gốc khổ. Thế nên Phật chế giới không ăn phi thời, chỉ ăn đúng thời. Lại cần phải biết ăn vừa đủ, như đã nêu rõ trong pháp tu hạnh đầu-đà, ăn một bữa, ăn vừa đủ no, để nuôi sống thân thể, ít ham muốn, không lãng xăn nhiều việc, có thể mới tự an ổn được. Tùy duyên sống qua ngày, nên các khổ tiêu diệt. Không tạo các nghiệp*



*nên sự khổ mới không phát sanh, giữ lấy gia phong người tu hành, kiên tâm không thay đổi, nên không có tăng giảm. Tâm thanh tịnh nên có sức, không mong cầu nên vô sự, đói khát như vết thương, ăn uống như thuốc chữa, làm sao sanh tham đắm được!?)*

### **3) Tinh tấn tu các niệm xứ:**

Như có người lấy mỡ bôi vào xe, vì muốn xe chuyển động, vận tải tài vật đến chỗ theo ý mình. Tỳ-kheo khi ăn biết vừa đủ để nuôi thân thể, cũng như vậy. Tỳ-kheo có Thánh giới pháp như vậy, được Thánh hóa các căn đối với sự ăn uống, biết dừng lại khi vừa đủ. Đầu đêm cuối đêm, vị ấy tinh tấn tỉnh giác. Giữa ban ngày, khi đi, khi ngồi vị ấy luôn luôn nhất tâm, chánh niệm trừ các triền cái. Vào lúc đầu đêm, khi đi, khi ngồi, vị ấy thường nhất tâm chánh niệm trừ các triền cái. Vào lúc giữa đêm, vị ấy nằm nghiêng về phía bên phải, hai chân gác lên nhau, nghĩ đến lúc thức dậy, đặt tư tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn động. Đến cuối đêm vị ấy thức dậy tư duy, khi đi, khi ngồi, thường nhất tâm chánh niệm, trừ các triền cái. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đạt được Thánh hộ trì các căn, ăn biết vừa đủ. Đầu đêm cuối đêm tinh tấn tỉnh giác ngộ, luôn luôn nhất tâm chánh niệm không tán loạn.

*Thế nào là Tỳ-kheo chánh niệm không tán loạn?*

Tỳ-kheo phải như thế này: Vị ấy quán sát nội thân, thân niệm xứ (thân là chỗ niệm), tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, điều phục được xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy quán ngoại thân, thân niệm xứ, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, điều phục được xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy quán nội ngoại thân, thân niệm xứ, tinh tấn không biếng nhác, Chánh niệm không tán loạn điều phục xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp cũng như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo niệm không tán loạn.

*Thế nào gọi là Tỳ-kheo nhất tâm?*

Vị ấy khi đi kinh hành, khi đi vào, đi ra, khi nhìn ngó hai bên, khi co duỗi tay, khi cúi xuống ngửa lên, khi mang y bát, khi ăn uống, khi đi đại tiểu tiện, khi nằm ngủ đều tỉnh giác. Vị ấy khi ngồi, khi đứng, khi nói, khi yên lặng, tất cả mọi hành động luôn luôn nhất tâm. Đó là Tỳ-kheo nhất tâm. Dù như có người cùng đi với nhiều người, hoặc đi trước, hoặc đi giữa, hoặc đi sau, đều được an lạc, không có gì sợ hãi. Tỳ-kheo cũng như vậy. Khi đi kinh hành vào ra... cho đến khi im lặng, luôn luôn nhất tâm, Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, thành tựu Thánh giới căn, khi ăn biết vừa đủ, đầu đêm cuối đêm tinh tấn tỉnh giác, luôn luôn nhất tâm không tán loạn.

*(Đoạn kinh văn này trước ví dụ, sau nói pháp. Bôi dầu vào xe là để xe vận tải được. Vì mục đích thành đạo nên mới ăn các món ăn. Nếu ta chỉ biết có vô sự là an lạc, mà đêm ngày không tinh tấn cần cầu giác ngộ thì khác nào hổ, nai trong núi rừng vắng. Thế nên cần phải nhất tâm niệm không tán loạn. Đó là quán Tứ niệm xứ, trong bốn oai nghi, đã thành một chuỗi dài suốt thời gian 12 thời, không gián đoạn, mới được gọi là không dụng tâm tạp loạn. Ý nghĩa của Tứ niệm xứ, nay sẽ lược nói. Thứ nhất Thân niệm xứ. Thứ hai, Thọ niệm xứ. Thứ ba, Tâm niệm xứ. Thứ tư, Pháp niệm xứ. Y cứ vào niệm xứ này, tu đạo xuất thế, chính là cửa ngõ tối yếu của Phật pháp. Không những 37 phẩm trợ đạo trong tạng giáo lấy Tứ niệm xứ làm đầu, mà Thông, Biệt, Viên giáo không có giáo nào là không y vào đây để hành đạo. Thế nên khi Phật sắp nhập Niết-bàn, để trả lời câu hỏi cuối cùng của Tôn giả A-nan, Ngài dạy các Tỳ-kheo: Hành đạo thì y cứ Tứ niệm xứ, sống 'trụ' thì y cứ vào Ba-la-đề-mộc-xoa. Thế nên nếu không lên đàn thọ giới thì không thể cộng trú, không tu Tứ niệm xứ thì cuối cùng không thể tiến tới được.)*

Trí Giả Đại sư giảng rõ pháp môn này thành bốn cuốn, chỉ bày cho hành giả trong bốn giáo về phương tiện tu hành. Nếu ai muốn biết rõ, cần phải đọc cho kỹ, ở đây chỉ trình bày những nét chính để đáp ứng cho người mới học. Nếu không có trí tuệ niệm xứ thì tất cả pháp hành đều không phải là Phật pháp,

không phải người hành đạo, cạo đầu vô ích, khác nào kẻ chăn trâu thuê. Những người ấy mặc cà-sa vô ích, khác nào phượng treo đầu sào. Những người ấy tuy mang bát cầm tích tượng khác nào bị bệnh, đi xin ăn. Tuy đọc kinh điển, như người mù tụng phú. Tuy siêng năng lễ bái khác nào chày giã gạo. Tuy họ cố gắng làm, cũng như việc làm của người huyền thuật, không có kết quả gì. Tuy xả bỏ thân mạng, tài vật, chỉ được gọi là bố thí, không phải là Ba-la-mật. Tuy có trì giới đầu thoát khỏi giới cấm thủ. Tuy có tọa thiền khác nào như gốc cây. Tuy họ muốn tri giải nhưng chỉ làm cho trí tuệ điên cuồng. Thế nên họ ở mãi bên bờ này, không qua được bên bờ kia, không hàng phục được ái kiến, không phá được chấp tướng, không nhập vào đạo phẩm, không vào được địa vị Hiền Thánh.

Nếu có trí tuệ Tứ niệm xứ thì mới có thể phá tà hiển chánh, thành tựu đạo quả xuất thế của Ba thừa, đưa đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Giải thích Tứ niệm xứ này thông qua bốn ý:

- Tứ niệm xứ theo Tam tạng.
- Tứ niệm xứ theo Thông giáo.
- Tứ niệm xứ theo Biệt giáo.
- Tứ niệm xứ theo Viên giáo.

Danh nghĩa của Tạng, Thông, Biệt, Viên trong văn đã ghi đầy đủ, ở đây khởi phiên dẫn lại nữa.

**1) Giải thích Tứ niệm xứ quán theo Tam tạng**

Tứ là số mục, niệm là tuệ, xứ là cảnh giới. Số có khai ra có hợp lại. Nếu người mê về tâm nặng, thì Phật vì họ mà nói năm uẩn, là hợp với sắc để khai tâm. Nếu người mê sắc nặng, Phật vì họ nói 12 xứ, là hợp với tâm để khai sắc. Nếu người mê cả tâm và sắc, Phật vì họ mà nói 18 giới, là khai cả tâm và sắc. Nay đề cập đến con số 4. Người ta đối với năm ấm sanh ra bốn đảo lộn như: Đối với sắc sanh ra tịnh đảo. Đối với thọ sanh ra lạc đảo. Đối với tưởng và hành sanh ra ngã đảo. Đối với tâm thức sanh ra thường đảo. Để trừ bốn đảo nên nói bốn niệm xứ vậy.

Thân niệm xứ: Tất cả các pháp đều gọi là thân. Tự kỷ gọi là nội thân, quyến thuộc và người khác gọi là ngoại thân. Quán sát cả ta và người gọi là nội ngoại thân. Niệm không tán loạn là quán sát ngay thân ta, sanh ra từ nghiệp bất tịnh của đời trước. Do đời trước ta không sợ sanh tử, không nhàm chán sự ràng buộc, không ham chuộng sự giải thoát, không mong cầu Niết-bàn. Ta đối bốn Thánh đế không chút nào ham thích, trông cái nghiệp điên đảo, nghiệp cột vào thức, đầu thai vào thai mẹ, thì có năm thứ bất tịnh:

a) Sanh xứ bất tịnh: Mười tháng trong thai cùng ở với phân ối, rồi nung vào chỗ nhớp nhúa mà chui ra.

b) Chủng tử bất tịnh: Lấy tinh cha huyết mẹ làm thể.

c) Tướng bất tịnh: Từ đầu đến chân đều là vật nhơ bẩn.

d) Tánh bất tịnh: Căn bản từ nơi ối nghiệp sanh ra, nung nơi ối vật lớn lên, tánh chất nó là như vậy, không thể thay đổi được. Trong thân có 36 vật. Phần bên trong có 12 gọi là tánh bất tịnh (da, da ngoài, máu, thịt, gân, mạch máu, xương, tủy, mỡ nước, mỡ miếng, não, hoành cách mô). Bên ngoài có 12 gọi là tướng bất tịnh (tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, đờm, phân, nước tiểu, đờm, mồ hôi). Bên giữa có 12 gồm cả tánh và tướng (gan, ruột, mật, dạ dày, lá lách, thận, tim, phổi, sanh tạng, thực tạng, đờm đỏ, đờm trắng).

e) Cứu cánh bất tịnh: Khi nghiệp báo đời này chấm dứt, như cây hư mục, đại tiểu bất tịnh, chảy tràn ra ngoài. Thân sanh ra giới bọt, chúng ăn lại thịt của ta, da thịt hết rồi, chỉ còn xương trắng. Thân ta như vậy, thân người khác cũng như vậy. Quán sát như vậy thì không thể ngay trên thân ta và thân người, sanh ra nhận thức điên đảo cho là tịnh được. Cho nên tâm không tán loạn, do tâm không tán loạn thì ta có thể điều phục được xan tham ưu não. Lược nêu hai món nhân khổ trong ba cõi. Hai món này có thể bao quát tất cả phiền não, Kiến, Tư hoặc. Điều phục, có ý nghĩa là lấy trí tuệ quán sát tu tập, bắt đầu từ tướng riêng, phân tích rõ ràng cận kề rồi đến

tướng chung. Quán thân bất tịnh, thọ, tâm, pháp đều bất tịnh. Cho đến quán pháp vô ngã, thân, thọ, tâm cũng vô ngã. Do tuệ quán này có công năng làm cho các ác pháp chưa sanh thì không sanh, các ác pháp đã sanh bị diệt hết. Các thiện pháp chưa sanh được sanh, các thiện pháp đã sanh được tăng trưởng. Đây gọi là Tứ chánh cần. Bốn món định sanh gọi là tứ Như ý túc. Năm thiện căn sanh gọi là năm căn. Sáu năm phiền não gọi là năm lực. Phân biệt công dụng của đạo là Thất giác chi. An ổn tu hành trong Chánh pháp gọi là Bát chánh đạo. Năm ấm được thiện hữu lậu gọi là Noãn pháp. Từ đây hàng phục mê hoặc trong ba cõi, tiến vào Đảnh vị, Nhẫn vị, Thế đệ nhất vị, phát chơn Vô lậu trải qua 16 tâm được thấy dấu đạo. Tiến đến chín vô ngại, chín giải thoát, thành vô học đạo. Tất cả những pháp trên đều y vào niệm xứ để hành trì mà được điều phục thành tựu.

Thọ niệm xứ: Lãnh nạp gọi là thọ. Duyên vào bên trong là nội thọ, duyên ra bên ngoài là ngoại thọ. Cả căn thọ gọi là nội ngoại thọ. Tại một căn có thuận thọ, nghịch thọ, không thuận không nghịch thọ. Đối với thuận cảnh thì sanh lạc thọ; đối với nghịch cảnh thì sanh khổ thọ; đối với không thuận, không nghịch cảnh thì sanh bất khổ, bất lạc thọ; cũng gọi là xả thọ. Sáu căn của 18 thọ: Căn, trần, năng, sở hiệp lại có 36 thọ. Kết hợp ba đời có 108 thọ. Các thọ đều là khổ, lạc thọ là Hoại khổ vì lạc bị phá hoại thì khổ. Khổ thọ là Khổ khổ, vì ngay tính chất của nó là khổ. Xả

thọ là Hành khổ, vì thay đổi thì sanh ra khổ. Phối hợp riêng như ở đây, thì chung cho cả ba đều có ba khổ.

Tâm niệm xứ: Là Tâm vương, liệt kê ra như trên, có nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm. Tâm vương không dừng một chỗ, tánh nó dời đổi. Tâm này hoặc thô, hoặc tế, hoặc trong, hoặc ngoài đều vô thường, thay đổi từng sát-na. Hơi thở ra tuy còn, khó giữ được hơi thở vào.

Pháp niệm xứ: Liệt kê như trước, nhưng có nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp. Lại có pháp thiện, pháp ác, pháp vô ký. Người đời dựa vào pháp để lập ra cái ta, như ta làm thiện, ta làm ác, ta làm việc vô ký, nếu y vào Tâm vương mà cho là đã có ngã thì nhiếp vào trong tâm niệm xứ. Nếu y vào Tâm sở mà cho là có ngã thì trừ thọ Tâm sở trong năm Biến hành ra, bốn Tâm sở còn lại là Biệt cảnh Tâm sở, thiện, ác, Bất định, cho đến Bất tương ưng hành... đều thuộc vào pháp niệm xứ. Trong tất cả các pháp này, muốn tìm cầu ngã thì không thể được.

Nếu pháp thiện là ngã, thì ác pháp đâu phải là ngã. Nếu pháp ác là ngã, thì thiện pháp lẽ ra không có ngã; hay nếu pháp ác là ngã, thì tại sao làm ác lại tự hại mình? Nếu pháp Vô ký là ngã, thì pháp vô ký không thể sanh ra nghiệp, làm sao có nhân để tạo ra ngã? Nó chỉ được gọi là “nhân đẳng khởi”, tức là nhờ vào Vô ký này khởi thiện, khởi ác, thiện ác còn

chẳng phải là ngã, nhân đẳng khởi làm sao được gọi là ngã? Từ đó chúng ta biết rằng tất cả đều vô ngã, chỉ là Hành uẩn (ám), cho nên *Khế kinh* có chép: Khởi lên chỉ có pháp khởi, diệt chỉ có pháp diệt, không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Ám, pháp, khởi diệt đều là điên đảo. Điên đảo chỉ cho thân kiến, biên kiến, là năm ấm ô uế. Vô ký cũng là năm ấm ô uế. Vô ký duyên vào quả báo hiện tại khởi lên nên đều là vô ngã. Tuy Tâm vương Tâm sở cùng khởi lên một lúc, nhưng tác dụng có mạnh có yếu. Nếu Tâm vương mạnh thì thuộc về Tâm niệm xứ; nếu Tâm sở mạnh thì thuộc về Pháp niệm xứ. Như vậy tất cả pháp thiện, ác, trong, ngoài, tìm ngã rõ thật không thể được. Nên gọi là Pháp niệm xứ.

Tu bốn pháp niệm xứ này có ba loại không đồng nhau:

1) *Tánh niệm xứ, thành tuệ giải thoát, phá tất cả trí của ngoại đạo.*

2) *Cộng niệm xứ, thành cầu giải thoát, đối phá thân thông của ngoại đạo.*

3) *Duyên niệm xứ, thành vô ngại giải thoát, đối phá Vệ-đà của Bà-la-môn.*

Lại có ba hạng người không đồng nhau:

1) Thanh văn, y vào Tứ đế quán, Khổ đế là cửa đầu tiên, tu bốn niệm xứ này, đoạn Kiến, Tư hoặc. Chứng bốn đạo quả.

2) Duyên giác, Độc giác, y vào 12 nhân duyên quán Tập đế làm cửa đầu, tu bốn niệm xứ này, trí tuệ sắc bén, phá tan tập khí, chứng quả Bích-chi Phật.

3) Bồ-tát, phát Tứ hoàng thệ nguyện, quán Đạo đế làm môn đầu, y vào Lục độ, tu Tứ niệm xứ này, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hàng phục phiền não, đồng thời làm việc lợi sanh, cơ duyên đầy đủ, trải qua 34 tâm, đoạn trừ kiết sử, đoạn hết chánh khí, tập khí, thành đạo Vô thượng. Ta nên biết rằng pháp quán Tứ niệm xứ là con đường chung cho cả Ba thừa, cũng vừa phân biệt rõ tà và chánh. Nếu hành giả đắc Tứ niệm xứ thì tất cả pháp tu đều chánh. Nếu hành giả không đắc Tứ niệm xứ thì tất cả các pháp tu đều là tà. Người tu hành đời nay, không biết rõ ý này, dù tu thiện đến bao nhiêu đi nữa cũng chỉ được nhơn thiên, tự siêng năng khó nhọc, mà chẳng được phần nào của Phật pháp cả. Đau xót như vậy làm sao không nói! Lại nữa, chúng ta nên biết rằng ý chính của ba tạng Thánh giáo là chán ghét sanh tử, ưa chuộng Niết-bàn.

Thứ nhất: Phải rõ nhân duyên chính và chi pháp nhân duyên, tức là trong Tứ đế, vô minh, hành, ái, thủ, hữu thuộc về Tập đế. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử là Khổ đế. Biết khổ đoạn tuyệt tập là Đạo đế. Không còn tập thì không có khổ là Diệt đế. Biết rõ đây là vô minh, lão tử thì phá được chủ thuyết tà nhân duyên, phá được chủ thuyết nói

rằng các pháp không do nhân duyên sanh, các chủ thuyết điên đảo của người ngoài. Không còn tin theo những tư tưởng tà ngụy, hẹp hòi, mà tin sâu và hiểu rõ pháp chánh nhân duyên.

Thứ hai: Cần phải phát tâm chơn chánh, cảnh giác ngọn lửa vô thường thiêu đốt thế gian. Nhất tâm tìm cách để ra khỏi, không biếng nhác trong sát-na nào cả, tu tập thiền tuệ, như chữa lửa cháy dầu.

Thứ ba: Cần phải khéo tu định tuệ, vì nó là con đường xuất thế. Loạn tâm trong Dục giới như đèn trước gió, chiếu soi các vật không rõ ràng. Nếu ta có định không tuệ như trong tối không thể thấy. Thế nên cần phải tu cả hai pháp định và tuệ.

Thứ tư: Cần phải biết phá pháp; quán sát khắp các nhân duyên sanh diệt để phá tất cả các pháp ái kiến, hý luận.

Thứ năm: Cần phải biết Thông và Tắc. Biết tất cả các pháp ái kiến đều có cái lý của Đạo đế và Diệt đế gọi là Thông; đều có Khổ, Tập gọi là Tắc.

Thứ sáu: Cần phải khéo tu Đạo phẩm, tu theo Tứ niệm xứ, hoặc Biệt hoặc Tổng, cho đến ba Giải thoát môn.

Thứ bảy: Cần phải khéo tu các trợ đạo, tức Ngũ đình tâm quán, cộng niệm, duyên niệm, sáu pháp thiền thâm quán, tức là tám loại niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiền, niệm Hơi thở, niệm Sự chết). Cửu tướng (sinh,

hư, huyết, mủ, máu, ú, trùng ăn, tan rã, xương trắng, đốt cháy). Mười tướng (vô thường, khổ, vô ngã, thực, bất tịnh, tất cả thế gian không thể ưa thích, tướng sự chết, tướng bất tịnh, đoạn tướng lia tướng). Tám bối xả:

- 1) Trong có tướng sắc, bên ngoài quán sắc.
- 2) Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc.
- 3) Xả bỏ tịnh thân tác chứng.
- 4) Xả bỏ hư không.
- 5) Xả bỏ thức xứ.
- 6) Xả bỏ chỗ không dùng.
- 7) Xả bỏ Phi hữu tướng Phi vô tướng.
- 8) Xả bỏ Diệt thọ tướng.

Tám thắng xứ:

- 1) Trong có sắc tướng, ngoài quán sát sắc, hoặc tốt, hoặc xấu, đó gọi là thắng tri, thắng kiến.
- 2) Trong có tướng sắc ngoài quán nhiều sắc.
- 3) Trong không tướng sắc, ngoài quán có sắc.
- 4) Trong không có tướng sắc, ngoài có nhiều sắc.
- 5) Chỗ xanh hơn.
- 6) Chỗ vàng hơn.
- 7) Chỗ đỏ hơn.
- 8) Chỗ trắng hơn.

Mười nhất thiết xứ.. (Xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức).

Thứ tám: Cần phải biết thứ vị, không sanh tăng thượng mạn, thành vị Tăng biết sỉ nhục, biết xấu hổ, chiếu sáng cả trong ngoài, khéo biết tà chánh, đâu là Phật pháp, đâu chẳng phải là Phật pháp, phá tà ngoại đạo.

Thứ chín: Phải an nhiên và nhẫn chịu trước hai loại giặc mạnh và yếu. Bên ngoài, thì quyến thuộc là giặc yếu mềm; ác pháp gọi là uế, xung là mạnh bạo, nếu không nhẫn chịu thì sẽ bị chúng làm hại. Bên trong phải nhẫn chịu tất cả, để chúng đắc các thiên, nếu chấp trước thì sanh lòng mềm yếu, tất bị giặc yếu mềm làm hại ngay; bị hoàn cảnh xung quanh bức bách chính là giặc mạnh bạo vậy.

Thứ mười: Cần phải từ bỏ các pháp ái. Nếu phát hiện ra bên ngoài, hay ẩn dấu bên trong, tất cả các thiện pháp thuận với đạo, nhưng tâm không ái trước, thì đó mới là ý chính yếu.

## 2) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Thông giáo

Tánh niệm xứ, Cộng niệm xứ, Duyên niệm xứ như đã đề cập ở trước, chỉ thấy lý sanh diệt, phát ra chơn, đoạn kiết sử là bốn cách thô thiển có vẻ khô khan; hay thuyết minh về vô sanh Tứ Thánh đế tức sự mà chơn, quán thô tế như nhau, đều như huyễn hóa. Đó là bốn cách xảo diệu tinh anh. Theo đây thì vô sanh quán tuệ là niệm. Cảnh giới Vô thượng để quán là xứ. Quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, tất cả sắc pháp hoặc thô hoặc tế đều là huyễn hóa, gọi là thân

niệm xứ. Thọ, tâm, pháp đều là tánh khổ. Tánh khổ vốn không, chúng như huyễn hóa, gọi là thọ, tâm, pháp niệm xứ.

Chúng có 3 loại: Tánh tứ niệm xứ, Cộng tứ niệm xứ, Duyên tứ niệm xứ, không giống nhau như đã thuyết minh. Ba hạng người đều lấy bốn tánh để suy nghiệm, phá thường, lạc, ngã, tịnh, điên đảo để chứng ngộ Vô sanh. Hàng Nhị thừa đoạn tuyệt như tro tàn, cùng với Tứ niệm xứ theo Tam tạng thì đồng, chỉ có thiên lệch về chứng chơn. Duy có cửa vào khác nhau ở chỗ tổng thể hay chi tiết, tinh tế hay thô phù mà thôi. Bồ-tát đã thấy lý không, cũng thấy lý bất không, nên lần lượt bước vào Biệt, Viên.

## 3) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Biệt giáo

Hành giả tín ngưỡng trung đạo Phật tánh, lý này khó hiểu rõ, nên phải giả lập phương tiện. Hành giả y vào Trí tuệ sanh diệt để tu Tứ niệm xứ, thành bậc ngoại phạm Thập tín. Hành giả y vào Trí tuệ vô sanh, tu Tứ niệm xứ, thành bậc nội phạm Thập trụ. Hành giả y vào Vô lượng tuệ, tu Tứ niệm xứ, thành bậc Thập hạnh. Hành giả y vào tương tự Vô tác tuệ, tu Tứ niệm xứ, thành bậc Thập Hồi hương. Nếu vị ấy bước vào Sơ địa phá từng phần vô minh, chứng từng phần Trung đạo, mới chính là Vô tác thật tuệ, tu chứng Tứ niệm xứ.

Nay đứng về mặt “giáo” mà nói thì vô lượng quán tuệ là niệm, cảnh giới vô lượng được quán là xứ.

Trong từng vị đều có; Tánh niệm xứ, Cộng niệm xứ, Duyên niệm xứ. Nếu đối trị riêng biệt thì: Bạc Thập trụ tu tánh niệm xứ quán, bậc Thập hạnh tu cộng niệm xứ quán, bậc Thập Hồi hướng tu duyên niệm xứ quán. Đến Sơ địa ba phần niệm xứ quán trên đều thành tựu riêng: Tánh niệm xứ hiển bày là Pháp thân. Cộng niệm xứ hiển bày là đại Bát-nhã. Duyên niệm xứ hiển bày là Giải thoát.

Sự điều phục được chúng sanh gọi là giải thoát. Đây cũng là lấy tánh niệm xứ là Bát-nhã; Cộng niệm xứ là Giải thoát; Duyên niệm xứ là Pháp thân; không còn qua lại lên xuống gọi là đại Niết-bàn. Được sắc giải thoát, thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Đây đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, phá hết bốn đảo của phàm phu ngoại đạo và bốn đảo của Nhị thừa.

#### 4) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Viên giáo

Số 4 là số không thể nghĩ bàn, một tức vô lượng, vô lượng tức một. Nhất nhất đều là pháp giới ba đế, thu nhiếp đầy đủ tất cả các pháp, ngoài pháp giới không có pháp nào cả. Ngay tại một niệm xứ cùng ba niệm xứ kia, không hai không khác. Tất cả các pháp đều hướng về Tứ niệm xứ, sự hướng về đúng như vậy. Niệm là quán tuệ, xứ là cảnh giới. Trí năng quán chiếu mà thường tịch nên gọi là niệm. Cảnh giới sở quán tịch mà thường chiếu nên gọi là xứ. Cảnh tịch, trí cũng tịch, trí chiếu cảnh cũng chiếu. Một tướng vô tướng, vô tướng một tướng, tức là thật tướng. Thật

tướng chính là Nhất đế, cũng gọi là hư không Phật tánh, cũng gọi là Đại bát Niết-bàn. Cảnh trí như vậy, không hai không khác, cảnh như như tức trí như như. Trí tức là cảnh. Thuyết trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, nói ngược lại, thuyết xứ và xứ trí đều là sở đế. Cảnh chẳng phải cảnh mà nói cảnh, trí chẳng phải trí mà gọi là trí, cũng gọi là tâm tịch tam-muội, cũng gọi là sắc tịch tam-muội, cũng gọi là minh tâm tam-muội, cũng gọi là minh sắc tam-muội. Sắc và Tâm không hai, không hai mà hai, vì hóa độ chúng sanh, nên giả nói có hai vậy. Quán tuệ này chỉ quán tâm chúng sanh trong một niệm vô minh, tâm này là pháp tánh, là nhân duyên phát sanh, tức là không, tức là giả, tức là trung, một tâm mà là ba tâm, ba tâm mà là một tâm. Quán này cũng gọi là Nhất thiết chủng trí. Cảnh này cũng gọi là Nhất viên đế. Một đế đủ ba đế, ba đế trong một đế. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên này nên xuất hiện ở đời. Quán một niệm này trong tâm đầy đủ sắc trong mười giới gọi là thân, thọ trong mười giới gọi là thọ. Thức trong mười giới gọi là tâm, tưởng, hành trong mười giới gọi là pháp. Sắc trong pháp tánh: Một sắc bao hàm tất cả thọ, tất cả thọ trong một thọ. Một tâm bao gồm tất cả tâm, tất cả tâm trong một tâm. Một pháp tướng hành bao gồm tất cả pháp, tất cả pháp trong một pháp. Dùng tánh trí tuệ, quán sắc tánh của mười giới gọi là quán. Thấu triệt trong sắc, không cấu không tịnh gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ quán thọ trong mười giới gọi là



quán. Thấu triệt trong thọ không phải khổ, không phải lạc gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ, quán tánh của tâm trong mười giới gọi là quán. Thấu triệt tánh của tâm chẳng phải tánh thường chẳng phải tánh vô thường gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ, quán tánh pháp trong mười giới gọi là quán. Thấu triệt tánh các pháp không phải ngã, không phải vô ngã, gọi là xứ. Hợp cả chủ thể và đối tượng thì gọi là quán tánh niệm xứ. Nếu quán sắc trong mười giới, chẳng phải như, chẳng phải sạch song song chiếu vào Nhị đế, thì như và sạch tánh chúng không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh. Cho đến quán pháp trong mười giới, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, song song chiếu vào Nhị đế, ngã cùng vô ngã tánh nó không hai. Tánh không hai là thật tánh, đó gọi là Cộng niệm xứ quán. Quán thân, thọ, tâm, pháp vô duyên từ bi, vô duyên, vô niệm này, như đá nam châm hút sắt, vắng lặng mà thường chiếu. Tuy vô niệm bất động nhưng mà vận dụng đại từ che khắp cả mười giới chúng sanh, bằng vào từ bi thệ nguyện rộng lớn không cùng tận, đó gọi là Duyên niệm xứ quán. Trong một tâm ba loại niệm xứ đầy đủ. Quán tánh trí tuệ của thân, thọ, tâm, pháp, gọi là Tánh niệm xứ. Định tuệ quân bình, có khả năng hỗ trợ đại đạo, gọi là Cộng niệm xứ. Có được từ bi là Duyên niệm xứ. Một tánh niệm xứ, tất cả tánh đều niệm xứ, cộng niệm xứ, duyên niệm xứ cũng vậy. Đây là nghĩa lý của Viên giáo. Tu Tứ niệm xứ theo ba loại Thông, Biệt, Viên đều có mười ý chính

tên giống nhau, ý nghĩa khác nhau. Cần phải nghiên cứu thêm.

Chánh niệm xứ không tán loạn... Tạng giáo như đã lược nói ở trước. Thông giáo thì lấy vô sanh quán tuệ làm không tán loạn. Thấu triệt tham ái như hư không, không thể nắm bắt được, để điều phục. Biệt giáo lấy thứ lớp của tam quán làm không tán loạn, để điều phục vô lượng tham ái của đồng cư thế gian, phương tiện thế gian và quả báo thế gian. Viên giáo lấy vô túc quán tuệ làm không tán loạn. Thấu triệt tính chất của tham ưu, tức là thật tánh. Ban đầu từ danh tự điều phục, tiến đến cứu cánh điều phục, đó mới là thật nghĩa của Tứ niệm xứ.

Đức Như Lai có di huấn, khiến cho các Tỳ-kheo y vào niệm xứ để hành đạo chính là ở điểm này vậy. Thế nên trong đây, chỉ nói Thân niệm xứ tinh tấn không biếng nhác. Thọ, Tâm, Pháp cũng như vậy, không nói thẳng là bất tịnh, khổ... Chính vì người tu hành trong bốn giáo đều cùng chấp nhận. Nếu hiểu được ý này thì đối với năm triền cái, Tứ thiền, Ngũ thông, Tam minh... tất cả pháp môn đều có thể giải thích bốn cách. Hãy suy nghĩ! Hãy suy nghĩ!

#### 5) Bỏ hẳn 5 triền cái.

Chia làm ba:

- Thuyết minh chỗ trú xứ.
- Thuyết minh các phương tiện trừ 5 triền cái.
- Thuyết minh trừ hẳn 5 triền cái.

**1) Thuyết minh chỗ trú xứ:**

Vị ấy ưa thích ở chỗ A-lan-nhã nhàn tịnh, dưới gốc cây, hang núi đá, bãi đất trống, cạnh đồng phân, giữa nghĩa địa, bên bờ nước..

*(A-lan-nhã dịch là trống vắng, không ồn ào. Tất cả các địa điểm này, đều cách xa sự tụ tập ồn ào nên có thể tán tu.)*

**2) Thuyết minh các phương tiện trừ 5 triền cái:**

Vị ấy sau khi đi khát thực về, sau khi ăn xong, rửa chân, xếp đặt y bát, ngồi kiết già, lưng thẳng, chánh ý, đặt niệm ở trước mặt.

*(Khát thực nuôi thân thì không còn mong cầu. Ngồi kiết già thì tâm dễ nhập định. Lưng thẳng thì thân không bệnh hoạn, chánh ý thì ý không tà đảo. Đặt niệm trước mặt thì không sanh hôn trầm tán loạn.)*

**3) Thuyết minh trừ hẳn 5 triền cái:**

Phần này chia làm ba:

- Nói rõ về việc chê trách, trừ bỏ 5 triền cái.
- Ví dụ làm sáng tỏ việc trừ 5 triền cái.
- Thuyết minh đủ về các pháp đoạn trừ hẳn 5 triền cái.

**a) Thuyết minh chê trách, trừ bỏ 5 triền cái:**

Vị ấy đoạn trừ xan tham, tâm không câu hữu với nó. Vị ấy đoạn trừ sân giận, không có oán ghét, tâm

trụ nơi không sân, thanh tịnh không giận, thường có lòng từ mẫn. Vị ấy từ bỏ thù miên, không câu hữu với nó, buộc tư tưởng nơi ánh sáng, niệm không tán loạn. Vị ấy trừ bỏ trạo hối, không câu hữu với nó, tâm trầm lặng, lòng sạch không hối tiếc. Vị ấy trừ bỏ nghi ngờ, đối với thiện pháp xác định rõ hướng đi.

*(Xan tham là đối với cảnh ngũ dục ái luyến không bỏ. Sân giận là đối với cảnh nghịch lại ý mình sanh ra tức tối bực bội. Thù miên là trạng thái tâm mờ mịt không phân biệt rõ, các căn đã dục, không chủ động hoạt động. Trạo hối là ba nghiệp tán động, ưu sầu buồn bực chuyện đã qua. Nghi là đối với Sư trưởng, giáo pháp, bản thân, tâm chưa tin tưởng, còn do dự. Năm pháp này ngăn che định tuệ không cho phát mở nên gọi là cái. Nếu nói riêng từng phần, thì tham là che trí tuệ và lợi làm trí tuệ bị tăm tối. Sân là định cái, chính là cây gai của thiền định. Hôn trầm, là tuệ cái, tánh nó không chủ động. Trạo hối là định cái, không thể duyên vào một cảnh. Nghi là đủ cả định tuệ cái, không có chánh tín. Tóm lại, tất cả triền cái đều chướng ngại cho định tuệ.)*

**b) Ví dụ làm sáng tỏ việc trừ năm triền cái:**

Ví như có người nô lệ, được người chủ cho được tự do, an ổn thoát khỏi cảnh nô lệ. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây là nô lệ, nay an ổn thoát khỏi cảnh nô lệ, đã được tự tại, không còn lệ thuộc người khác. Người này nhờ vậy được hoan hỷ, tâm được an lạc. Ví như

có người mượn tiền của người khác kinh doanh các nghề nghiệp. Sau đó, họ được phát đạt về lợi tức, trả được nợ cho người còn có tiền dư, đủ để nuôi dưỡng vợ con. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây vay mượn tiền để kinh doanh, nay được phát đạt có lợi tức, đã trả nợ cho người, lại có tiền dư, đủ để nuôi vợ con. Nay ta được thoải mái, không còn thua ai nữa. Người này nhờ đó được vui vẻ, tâm được an lạc.

Ví như có người bị bệnh lâu ngày, sau khi hết bệnh, ăn uống trở lại bình thường, thân thể khỏe mạnh. Người ấy tự suy nghĩ: Ta trước đây có bệnh, nay được hết bệnh, ăn uống bình thường, thân thể khỏe mạnh. Nhờ đó, người này được vui vẻ, an lạc.

Ví như có người bị giam lâu ngày trong ngục, người ấy được bình an ra khỏi ngục, suy nghĩ: Ta trước đây bị nhốt trong ngục, nay ta được ra khỏi, không còn gì sợ hãi. Người này nhờ đó được hoan hỷ, tâm được an lạc.

Ví như có người mang nhiều tiền của, đi qua vùng hoang vắng, không gặp trộm cướp, được bình an đi qua. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây đã mang nhiều bảo vật, đi qua vùng hoang vắng, nay không còn sợ hãi. Nhờ đó, người ấy được hoan hỷ, tâm được an lạc.

*(Tham dục như nô lệ, bị người sai khiến. Sân hận như mắc nợ, quả báo ác phải trả không ngừng. Hôn trầm, thù miên như bệnh trầm trọng lâu ngày không dậy được. Trạo hối như lao ngục, từ trạo hối*

*sanh ra hối hận, từ hối hận tạo thành triền cái, không thoát ra được. Nghi như vùng hoang vắng, tâm nhiều do dự.)*

c) *Thuyết minh đủ về các pháp đoạn trừ những triền cái:*

Tỳ-kheo còn năm triền cái thì không thể tu tập thiền định. Nếu không có sức đặc thiền định thì không thể đoạn trừ triền cái.

Tỳ-kheo còn năm triền cái cũng như vậy. Như bị nô lệ, như bị mắc nợ, như bệnh lâu ngày, như bị giam trong ngục, như đi qua vùng hoang vắng. Vị ấy tự thấy mình chưa đoạn trừ được các triền cái, làm cho tâm, bị nhiễm ô, trí tuệ không sáng suốt. Vị ấy liền từ bỏ dục, bỏ pháp ác bất thiện, với đủ tâm, tứ được hỷ lạc, chứng và trú Sơ thiền. Toàn thân vị ấy được thấm nhuần với hỷ lạc, sung mãn tràn đầy với hỷ lạc, không chỗ nào trên người không sung mãn. Như người khác dùng bột tắm nhỏ mịn cho vào thau để tắm, lấy nước nhồi bột ấy, làm cho cục bột ấy được thấm ướt với nước, thấm từ trong ra ngoài với nước, nhưng bột không chảy thành giọt. Tỳ-kheo chứng Sơ thiền cũng như vậy, hỷ lạc toàn thân, không chỗ nào trên thân không có hỷ lạc. Đó là trạng thái đầu tiên ngay trên thân này chứng được lạc. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn. Thân tâm vị ấy an trú trong an lạc trầm lặng.

Vị ấy xả tâm tứ, trong tâm sanh tín, trú tâm một chỗ, không còn tâm tứ, tâm định hỷ lạc, nhập và trú Nhị thiền. Vị ấy dùng tâm định hỷ lạc, thấm ướt toàn thân sung mãn tràn đầy với hỷ lạc, không chỗ nào không sung mãn. Như dòng nước trên đỉnh núi, từ từ trên núi chảy xuống, không phải từ Đông, Tây, Nam, Bắc hay từ trên trời chảy xuống. Ngay trong ao, nước trong mát, tự chảy ra, tràn đầy cả ao, không chỗ nào không tràn đầy. Tỳ-kheo chứng và trú Nhị thiền cũng như vậy, tâm do hỷ lạc sanh, sung mãn tràn đầy với hỷ lạc. Đây là trạng thái thứ hai tự thân chứng đắc hỷ lạc.

Vị ấy xả hỷ tâm, trú niệm nơi lạc thân cảm thọ khoái lạc mà các bậc Thánh gọi là “hộ niệm khoái lạc”. Vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba, không có hỷ thấm nhuần toàn thân an lạc. Không chỗ nào trên thân không được thấm nhuần sự an lạc ấy. Như hoa sen trắng, sen hồng, sen xanh, tuy sanh ra từ đất trong ao nước, nhưng chưa ra khỏi nước, rễ cọng hoa lá đều thấm nhuần nước. Toàn cây hoa được nước thấm nhuần, Tỳ-kheo trú nơi Thiền thứ ba cũng như vậy, ly hỷ trú lạc, thấm nhuần toàn thân, không chỗ nào không thấm nhuần diệu lạc, không có hỷ ấy. Đó là Tỳ-kheo chứng Thiền thứ ba, tự thân chứng được khoái lạc ấy, thành tựu và an trú trong chỗ tự tại.

Vị ấy xả khổ lạc, diệt ưu hỷ, đã cảm thọ trước. Không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh, chứng và

trú Thiền thứ tư. Vị ấy thân tâm thanh tịnh, sung mãn tràn đầy, không chỗ nào trên thân tâm không được sung mãn với thanh tịnh ấy.

Như người nam nữ nào đó, sau khi tắm rửa sạch sẽ che kín khắp thân thể bằng một tấm y mới, trắng tinh sạch sẽ, không chỗ nào trên thân không được che kín bởi tấm y. Tỳ-kheo trú Thiền thứ tư cũng vậy. Tâm vị ấy thanh tịnh sung mãn khắp thân, không chỗ nào không có sung mãn.

Vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, tâm không lay động. Không mỗi một, không tương ứng với khát ái, sân giận, an trú nơi trạng thái bất động.

Như trong một phòng kín, trong ngoài đều được trét kín với đất bùn, khép kín cửa không cho tiếng động lọt vào, không cho gió bụi lọt vào. Trong phòng thấp một ngọn đèn, không cho người, phi nhơn, gió, chim, quạt làm cho lay động. Ngọn đèn đứng yên, hướng thẳng lên bên trên, không có nghiêng ngã, đứng yên mà chiếu sáng. Tỳ-kheo trú Thiền thứ tư cũng như vậy. Không có lay động, tâm không mỗi một không tương ứng với khát ái và sân giận, đã trú ở địa vị bất động.

Đây là Thiền thứ tư, ngay thân này được an trú trong an lạc. Tại sao? Do vị ấy không phóng dật, tinh tấn không lười biếng, chánh niệm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

*(Trước đây tuy nói vị ấy đoạn trừ xan tham nhưng thật ra chưa đoạn trừ vĩnh viễn các triền cái, mà chỉ chê trách chúng và hướng tâm đến thiện pháp, đồng thời dùng sức giác quán để xả bỏ ái dục, pháp bất thiện để nhập vào Sơ thiên, cho đến tuần tự vào Tứ thiên mới được chứng đắc sự hoan hỷ an lạc, tâm không trạo cử vọng động, chính là đoạn trừ hết hối triền cái. Không còn giải đãi là đoạn trừ hết miên triền cái. Không tương ưng với khát ái sân nhuế là đoạn trừ hết tham triền cái và sân nhuế cái. Trú ở địa vị bất động là trừ hết nghi triền cái. Phòng kín trong ngoài đều trét hết, dụ cho không trạo hối. Đóng cửa không cho âm thanh lọt vào, dụ cho không giải đãi. Không gió bụi, dụ cho không tham sân. Đèn cháy sáng, dụ cho không nghi ngờ, ánh sáng cháy thẳng đứng, không cong queo, chiếu sáng, dụ cho định tuệ quân bình, có khả năng phát ra ba minh và lục thông. Lại nữa, không có người, dụ cho không tham, không có phi nhơn, dụ cho không sân, không có gió, dụ cho không trạo cử, không có chim, dụ cho không thù miên. Không cong queo, dụ cho không si. Cách tu bốn pháp thiên này, chép đầy đủ trong kinh luận, và các pháp môn theo thứ tự của thiên Ba-la-mật. Người có chí học cần phải tự nghiên cứu lấy. Đoạn chánh văn này tức nhân giới sanh ra định, cũng gọi là tăng thượng tâm học.)*

## V. THUYẾT MINH THẮNG DIỆU CỦA VÔ LẬU GIỚI

Vô lậu giới cũng gọi là Đạo cộng giới. Đạo cộng là chung cả việc lấy niệm xứ làm phương tiện đạo. Đây chỉ lấy sự phát khởi chơn Vô lậu.

Văn chia làm hai:

- Thứ nhất là Ngũ thông.
- Thứ hai là Tam minh.

Chỗ khác gọi là Tam minh, Lục thông. Cộng lại chỉ có sáu pháp. Bởi vì Túc mạng, Thiên nhãn, Lậu tận có công đức thù thắng nên gọi là minh. Nay chia riêng Thần túc ra làm ba, gồm Thiên nhĩ, Tha tâm, cộng thành năm thông. Xếp riêng Túc mạng, Thiên nhãn, Lậu tận làm Tam minh. Tuy phân ra và hợp lại không đồng, đều là sáu thần thông cả. Sáu loại này đều là thần thông. Kinh *Anh lạc* chép: Thần là thiên tánh, thông là huệ tánh, trí tuệ tự nhiên, chiếu soi tất cả không có gì ngăn ngại.

### 1) *Thuyết minh về Ngũ thông:*

Vị ấy thành tựu được định, tâm thanh tịnh, không có cấu uế, được điều phục một cách nhu nhuyễn, an trú chỗ bất động. Vị ấy tự thân mình - nếu muốn, vị ấy có thể hóa ra một thân khác, đầy đủ chi tiết, các căn không thiếu sót, vị ấy quán sát lại thân này. Thân sắc chất này do tứ đại hợp thành, do sắc chất hóa hiện nên có, sắc thân tứ đại này khác với thân tứ đại được biến hóa ra kia. Từ trong sắc thân tứ đại này khởi ra ý muốn hóa ra thân kia với

đầy đủ các chi tiết của thân cần. Như có người rút con dao trong bao đựng dao ra. Người ấy tự nghĩ: Đây là bao, đây là dao, dao khác, bao khác. Từ trong bao này dao được rút ra.

Như có người nhìn rấn từ trong ống bò ra, người ấy tự nghĩ: Đây là ống, đây là rấn, ống khác, rấn khác. Từ trong ống này rấn bò ra.

Như có người lấy áo từ trong rương ra, người ấy tự suy nghĩ: Đây là rương, đây là áo, rương khác áo khác. Áo đây lấy từ trong rương ra.

Tỳ-kheo cũng như vậy, đây là thắng pháp, đây là thắng pháp đầu tiên của vị Tỳ-kheo. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh tiến đến an trú vào địa vị bất động. Vị này từ sắc thân tứ đại của mình, phát khởi ý muốn hóa ra một thân khác với đầy đủ các căn và tất cả chi tiết, vị này suy nghĩ: Sắc thân ta đây, do tứ đại hợp thành, thân kia do biến hóa mà có. Sắc thân tứ đại của ta, khác với sắc thân tứ đại do ta biến hóa. Tâm này hoạt động tại thân này, y cứ vào thân này, bị trói buộc vào thân này.

Ví như viên ngọc kim cương lưu ly khéo gọt giũa làm cho sáng mắt, trong suốt không có tí vết gì cả. Nếu ta dùng sợi dây màu vàng hay xanh, hay đỏ xoắn qua nó. Người có mắt sáng để nó lên bàn tay nhìn ngắm: Đây là viên ngọc, đây là sợi chỉ, viên ngọc

khác, sợi chỉ khác, viên ngọc bị xoắn bởi sợi dây. Tỳ-kheo cũng như vậy, từ sắc thân tứ đại này, sanh ra ý tưởng, muốn hóa ra một thân khác, đầy đủ các căn với tất cả chi tiết; Vị này tự nghĩ: Thân này do tứ đại hợp thành. Hóa thân kia từ thân này mà có; Sắc thân tứ đại này khác, sắc thân tứ đại do biến hóa ra kia khác. Tâm này hoạt động tại thân này, y cứ vào thân này, bị trói buộc vào thân này. Đây là thắng pháp thứ hai vị Tỳ-kheo chứng được. Nhờ vào đâu? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa thích tịch lặng. Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh tiến đến an trú vào địa vị bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập thân thông trí chứng. Vị ấy có thể làm nhiều cách biến hóa, từ một thân hiện ra vô số thân, từ vô số thân thu trở lại còn một thân. Vị ấy, tự nhiên có thể bay ngang qua hư không, xuyên qua đá, xuyên qua vách. Không có gì ngăn ngại cả, như đi trong hư không. Vị ấy, đi trên hư không như chim bay, độn thổ và trôi lên từ đất, như đang bơi lội trong nước. Vị ấy có thể đi qua đám khói, lửa, lửa cháy lớn. Tay vị ấy có thể sờ và chạm mặt trời, mặt trăng, và tự thân có thể bay lên cõi Phạm thiên.

Như có người thợ gốm, khéo nhồi đất sét cho nhuyễn theo ý muốn. Người ấy muốn làm việc gì, có thể làm theo ý muốn, những vật dụng có ích.

Như người thợ mộc, với tay nghề giỏi, có thể đẽ gọt các loại gỗ theo ý muốn, để thành những vật có thể sử dụng được.

Như người thợ ngà khéo léo, giữa chạm ngà theo ý mình, để thành các đồ vật bằng ngà có thể sử dụng được.

Như người thợ kim hoàn, khéo làm những vật dụng bằng vàng theo ý thích, để thành đồ hữu dụng.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh, đạt đến chỗ bất động, có thể làm bất cứ việc gì theo ý muốn, cho đến có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba vị Tỳ-kheo chứng được.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, cho đến trú vào địa vị bất động, nhất tâm tu tập, chứng Thiên nhĩ trí. Vị ấy với Thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa hơn lỗ tai người thường, nghe được cả hai loại âm thanh của người và phi nhơn. Như trong thành vách của thành phố thuộc đất nước kia có tòa giảng đường cao rộng to lớn, có người với lỗ tai thính đang ngồi trong ấy. Người đó không cần phải lắng tai mà có thể nghe tất cả mọi âm thanh (trong giảng đường). Tỳ-kheo cũng như vậy, với định tâm nên Thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được cả tiếng người, tiếng phi nhơn và các loại âm thanh. Đây là thắng pháp thứ tư mà vị Tỳ-kheo chứng được.

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh, tiến đến địa vị bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập, chứng Tha tâm trí; Vị ấy biết rõ tâm của các chúng sanh, có dục, không có dục, có cấu, không có cấu, có si, không có si, tâm rộng lớn, tâm nhỏ hẹp, tâm đại hành, tâm không đại hành, tâm định tĩnh, tâm loạn động, tâm còn triền phược, tâm giải thoát, tâm tăng thượng, tâm không tăng thượng. Bằng vào tâm của mình, vị ấy biết rõ tất cả các loại tâm kia của chúng sanh.

Như người trai hay gái thích ngắm nhìn mặt mình, lấy gương soi, thấy rõ hết mặt. Tỳ-kheo cũng như vậy. Với định tâm thanh tịnh nên biết tất cả tâm niệm của chúng sanh bên ngoài. Đây là thắng pháp thứ năm.

*(Ban đầu khởi tâm, hóa ra một thân khác, rồi đưa ra ba ví dụ liên tiếp như dao từ trong bao rút ra... Những ví dụ này nêu ra các sự biến hóa đều từ tâm phát sanh. Sau đó quán sát lại thân được biến hóa ra kia, từ biến hóa mà có. Tâm dụ như sợi dây, thân dụ như viên ngọc. Thân tâm không thay đổi, nhưng từ thân này hóa ra một thân khác, quan hệ mật thiết không rời nhau. Hai sự biến hóa này là tiền phương tiện của thân thông trí chứng. Sau đó phô bày thân thông trí chứng. Trí chứng nghĩa là: Thân thông chứng được do chánh trí xuất thế, không đồng với quả báo của chư thiên, không đồng với phàm phu*

*ngoại đạo đạt được thân thông do tu hành trên cơ sở kiến và ái.*

*Ví dụ về bốn loại thợ khéo, đều nêu lên vấn đề tùy ý năng thành. Gỗ cứng hơn bùn, ngà cứng hơn gỗ, vàng cứng hơn ngà, nhưng với kỹ thuật tay nghề của người thợ, chúng ta đều biến thành đồ vật sử dụng được. Hướng chi tâm pháp trùm cả hư không. với Thánh đạo vi diệu, mà lại không thể như ý tự tại hay sao? Đến Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, đều như văn đây có thể hiểu được.)*

## **2) Thuyết minh về Tam minh:**

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh dẫn tâm đến chỗ bất động, tu tập tất cả để chứng Túc mạng trí, có thể nhớ lại vô số đời trước với tất cả các sự việc. Vị ấy nhớ lại một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, vô số trăm ngàn đời. Vào cuối cùng của kiếp thiêu, quốc độ kia được khai sanh, ta sanh ra ở nước đó, tên như vậy, thuộc giòng họ như vậy, chủng tộc như vậy, ăn uống như vậy, tuổi thọ như vậy, đời sống như vậy, tuổi thọ chấm dứt như vậy, chịu khổ vui như vậy. Ta từ chỗ ấy sau khi chết, sanh đến chỗ kia, sanh tử như vậy, lần lượt ta sanh đến chỗ này, hình sắc tướng mạo như thế này, tất cả vô số sự việc như vậy, vị ấy đều nhớ rõ. Như có người từ làng xóm của mình đi đến đất nước khác. Tại nước kia, người ấy hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nói năng, hoặc im lặng. Lần lượt như vậy, người ấy trở về nước cũ, không cần vận dụng trí

nhớ nhiều, vị ấy có thể nhớ lại tất cả những việc mình đã làm ở các nước đã đi qua. Ta đi từ nước này đến nước kia. Tại nước kia, ta đi, đứng, nói năng, im lặng, như vậy. Tại nước kia đến nước khác, ta đi, đứng, nói năng, im lặng như vậy. Lần lượt như vậy, ta trở về nước mình.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh, dẫn tâm đến chỗ bất động, tâm chứng Túc mạng trí. Vị ấy có thể nhớ tất cả các sự việc của chính mình trong vô số trăm ngàn kiếp trước. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất, đoạn trừ vô minh, minh sanh, tối tăm đã hết, pháp sáng suốt còn lại. Đây là Tỳ-kheo thành tựu Túc mạng trí chứng minh. Nhờ đâu? Do vị ấy không phóng dật, tinh tấn không lười nhác, chánh tâm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

*(Túc mạng trí, được gọi là minh thứ nhất, biết rõ về quá khứ. Do trừ diệt được vô minh, minh được phát sanh. Vô minh là phiền não Kiến hoặc và Tư hoặc ngăn che sự tịch lặng. Nay đoạn diệt vô minh, thì minh tự sanh. Nghĩa là ta chỉ trừ các pháp cấu uế, không cần phải tìm kiếm minh. Không còn bóng tối thì ánh sáng còn lại, ánh sáng đã có thì không bị mất. Như vàng đã được tinh luyện, lọc thành vàng ròng thì không thể trở lại thành vàng quặng được.)*

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh, dẫn tâm đến chỗ bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập, chứng được trí



tuệ, thấy chúng sanh sanh chỗ này, chết chỗ kia, hình dáng đẹp, xấu, sanh tử trong các đường thiện, ác, kẻ sang trọng người bần tiện, đều từ nhân duyên nghiệp báo do chúng tạo ra, vị ấy đều biết rõ. Như người này tạo ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, với tà kiến phỉ báng các bậc Thánh. Do quả báo của tà kiến nên đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như chúng sanh này thân làm thiện, chánh kiến không phỉ báng các bậc Thánh, tu tập chánh nghiệp, sau khi thân này chết được sanh cõi trời hay cõi người. Vị ấy với Thiên nhân thanh tịnh như vậy, thấy chúng sanh chết chỗ này sanh chỗ kia, tùy theo nghiệp nhân chúng đã tạo, vị ấy đều biết rõ hết. Như giữa khoảng đất trống bằng phẳng, chỗ ngã tư đường, có một tòa nhà cao lớn, có một người với mắt sáng đứng trên lầu tòa nhà ấy, thấy mọi người đi từ Đông sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Nam sang Bắc, từ Bắc sang Nam. Vị Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh... bình thản bất động, chứng trí tuệ thấy các chúng sanh, sanh chỗ này chết chỗ kia. Vị ấy với Thiên nhân thanh tịnh, thấy chúng sanh chết đây sanh kia, sanh đây chết kia, tùy theo nhân duyên nghiệp báo chúng đã tạo, vị ấy đều biết rõ hết. Đây là vị Tỳ-kheo đã chứng đắc được minh thứ hai. Vị ấy trừ vô minh, minh sanh, tối tăm hết, ánh sáng hiển hiện. Đây là trí chứng minh, thấy rõ chúng sanh chết chỗ này, sanh qua chỗ kia. Nhờ đâu vậy? Do vị

ấy không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh tâm không tán loạn, ưa thích tịch lặng.

*(Minh thứ hai là Thiên nhân minh, biết việc tương lai một cách rõ ràng. Thấy rõ cả ba đời. Vì tương lai khó thấy mà thấy trước được, nên nêu ra chỗ thù thắng đó, chứng về quá khứ là Túc mạng, chứng về hiện tại là Lộ tận.)*

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, đưa đến bất động, vị ấy nhất tâm tu tập, chứng trí Vô lậu. Vị ấy như thật biết Khổ Thánh đế, Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Vị ấy như thật biết hữu lậu, sự tập khởi của hữu lậu, sự đoạn diệt của hữu lậu và như thật biết con đường đưa đến diệt tận hữu lậu, tức Đạo Thánh đế. Vị ấy nhờ nhận thức như vậy, thấy rõ như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, vô minh lậu, đã được trí tuệ giải thoát. Vị ấy biết: Sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm, không còn bị tái sanh nữa.

Như trong hồ nước trong suốt, có gỗ, đá, cá, rùa và các loài thủy tộc đang bơi lội trong nước đó. Một người có mắt sáng đứng nhìn kỹ, thấy rõ đây là gỗ, đây là đá, đây là cá, đây là rùa, đây là loài thủy tộc đang bơi lội.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh, bình thản bất động, chứng đắc trí Vô lậu. Cho đến không còn tái sanh nữa. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ ba. Vị ấy đoạn trừ vô minh, minh sanh,

bóng tối tan hết, ánh sáng còn lại đầy đủ. Đó là Vô lậu trí minh. Do đâu? Vì ấy nhờ không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa ở chỗ tịch lặng.

*(Minh thứ ba là trí vô lậu, hiểu biết sáng suốt trong hiện tại. Đối với pháp trong ba đời, không còn sanh ra nữa. Bởi vì ngay nơi sự chứng đắc này, đã đoạn hết ba đời các pháp không còn cơ hội phát sanh, nên gọi là sáng suốt hiện tại. Khổ Thánh đế, ba cõi đều khổ, chắc chắn và xác thật như vậy, chỉ có bậc Thánh mới liễu tri nên gọi là Thánh đế. Tập là nguyên nhân của khổ. Tận là diệt hết khổ. Đạo là con đường tất yếu để thoát khỏi khổ. Tất cả bốn đế đều chơn thật. Không hư dối nên gọi là Thánh đế. Hữu lậu là quả của khổ, lậu tập là nhân của khổ, lậu tận là diệt của khổ, con đường đưa đến lậu tận là con đường tất yếu để giải thoát. Tóm lại, phần đầu nói rõ về kiến đạo, phần sau nói rõ về tu đạo. Hoặc phân đầu nói rõ về Dục giới, phần sau nói rõ về Sắc và Vô sắc giới. Chánh trí được gọi là tri. Tuệ nhãn được gọi là kiến. Tư hoặc ở Dục giới được gọi là dục lậu. Tư hoặc ở Sắc giới và Vô sắc giới gọi là hữu lậu. Kiến hoặc trong ba cõi gọi là vô minh lậu.)*

*Giải thoát gồm: Kiến đạo 16 tâm, tu đạo 18 tâm, thuộc Căn bản trí. Chứng đắc trí giải thoát, tức Hậu đắc trí. Sanh tử của ta đã hết, tức là vĩnh viễn không còn quả báo, nên gọi là không còn sanh. Phạm hạnh*

*đã thành tức đầy đủ trí đức và đoạn đức, nên gọi là ứng cúng. Việc phải làm đã làm xong, tức là diệt hết lậu hoặc đạt đến thuần chơn, nên gọi là vô học. Không còn thọ thân sau, tức cắt đứt phiền não, nên gọi là sát tặc.*

*Lại nữa, sanh tử của ta đã hết tức trịn đầy trí tuệ về Khổ đế, phạm hạnh đã thành, tức trí tuệ tròn đầy về Đạo đế. Việc cần phải làm đã làm xong, tức trí tuệ tràn đầy về Diệt đế. Không còn tái sanh tức trí tuệ tròn đầy về Tập đế. Nước trong suốt dụ cho tâm định; gỗ, đá, cá, rùa dụ cho đời sống hiện tại; mất pháp dụ cho trí tuệ. Tuy có mắt sáng nhưng nước không trong suốt thì không thể phân biệt rõ cây, đá, cá, rùa, như có tuệ mà không định. Ngược lại tuy nước trong suốt nhưng mắt không sáng tỏ thì cũng không phân biệt được cây, đá, cá, rùa. Như có định mà không tuệ.*

*Nay định và tuệ đầy đủ liễu tri Sanh không và Pháp không. Không khởi ra tư tưởng điên đảo đối với pháp sanh diệt, đó là Vô lậu trí minh.*

*Năm đoạn văn này thuyết minh vấn đề nhân định phát tuệ, cũng gọi là tăng thượng tuệ học. Các đối tượng Thiên định, Ngũ thông vẫn còn thuộc định học. Trong này đều gọi là trí chứng, nên nhiếp vào tuệ học. Sau mỗi đoạn thuyết minh về Thiên định, Sáu thông, Ba minh, đều kết luận bằng câu: Do không phóng dật... đều nhằm mục đích nêu rõ một*

*cách sâu sắc về việc trì giới không phóng dật là căn bản của Thánh đạo. Tứ niệm xứ là cửa chính để đi vào Bát Chánh đạo. Hạnh đầu đà là pháp xuất ly hơn hết.)*

Nay tôi đã y cứ vào Tam tạng thuyết minh sơ lược như trên, hơn ba lần xem lại, thấy tạm vừa ý. Lại nữa, các pháp môn trong Tam tạng này hoặc chuyển nhập trực tiếp một cách vi diệu hoặc tiến tu theo thứ tự cũng là vi diệu. Người đọc nên suy nghĩ cho kỹ, chớ nên khinh thường xem qua loa.

Kiên-độ trì giới của Đại, Tiểu lược giải thích.

### TRUNG TRỊ TỶ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN

(Dịch xong Ngày 04 tháng 07 năm Mậu Thìn - 1984)

### LỜI CUỐI SÁCH

(Lời bạt)

*Than ôi! Luật học không được xuong minh học hỏi đã lâu ngày. Nếu không rõ Luật thì làm sao rõ Giáo, không rõ Giáo thì làm sao hiểu Tông. Người giỏi thì bỏ qua, người kém thì không hiểu kịp. Hướng lại cái tri kiến theo thế tục đã thắm vào xuong tủy, nên hễ nghe nói đến Chánh pháp của Như Lai thì sợ hãi coi xa vờ như sông Thiên hà, đâu còn chịu để mắt đến 500 cuốn gồm lời Phật dạy, làm quy củ hay lo cho đời ư?*

*Tôi hổ thẹn đối với môn hành trì còn sơ sót, cô phụ cửa Phật, cho nên từ lâu ngậm miệng, không dám bàn đến việc nên hư của người đương thời. Như một tia sáng qua kẽ hở này, ngưỡng nhờ Phật Tổ giúp mở cửa cho thì cũng có thể gọi đây là kẻ dẫn dắt cho người cất bước. Hoặc có ai bắt chước theo ý tôi mà dốc chí hành trì, thì họ sẽ được an ổn đạt đến chỗ thanh tịnh, chắc chắn không nghi.*

**HẾT**

**MỤC LỤC**  
**TRÙNG TRỊ TỶ NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU**  
**TẬP II**

□Trang□□**QUYỂN THỨ MƯỜI**□ □  
PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp theo)  
Trang

- PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp theo)

□**QUYỂN THỨ**  
**MƯỜI**

**QUYỂN THỨ MƯỜI**

- BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

**QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT**

- BÀN CHUNG VỀ VẤN ĐỀ YẾT-MA
- VẤN ĐỀ KẾT GIỚI
- VẤN ĐỀ THỌ GIỚI

**QUYỂN THỨ MƯỜI HAI**

- PHÁP Y CHỈ
- TƯ CÁCH ÔNG THẦY
- PHÁP ĐỆ TỬ NHỜ THẦY
- PHÁP THƯỢNG TỌA
- PHÁP ĐỒNG HỌC
- PHÁP LỄ KÍNH
- PHÁP PHIẾU KÍNH CHA MẸ
- PHÁP AN CỤ
- PHÁP TỰ TỬ

**QUYỂN THỨ MƯỜI BA**

- THUYẾT MINH PHÁP TRỊ TỘI

**QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN**

- PHÁP VỀ Y
- PHÁP VỀ ĂN VÀ UỐNG THUỐC
- PHƯƠNG PHÁP NUÔI BỆNH
- PHÒNG XÁ
- PHÁP VỀ NGỌ CỤ
- PHÁP VỀ ĐỒ VẬT
- PHÁP VỀ TÍCH TRƯỢNG
- PHÁP VỀ TÙNG LÂM

**QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM**

- PHÁP A-LAN-NHÃ
- PHÁP ĐẠI CHÚNG HỘI HỢP
- PHÁP CHIA VẬT
- PHÁP NÓI PHÁP
- PHÁP ĐỌC TỤNG
- PHÁP TỌA THIỀN
- PHÁP TẬP
- PHẬT NÓI KINH TỘI PHẠM GIỚI NHẸ NẶNG
- BÀI TỤNG CỦA GIỚI TƯỚNG

**QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU**

- GIỚI CỦA TỖ-KHEO-NI
  - Tám pháp Ba-la-di
  - Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa
  - Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề
  - Một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề
  - Tám pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni
  - Pháp chúng học
  - Bảy pháp Diệt Tránh
- PHÁP XUẤT GIA THỌ GIỚI CỦA NI
  - Pháp xuất gia thọ giới Sa-di-ni
  - Thuyết minh về pháp thọ giới ...
  - Thuyết minh về pháp thọ giới Tỳ-Kheo-ni
- VẤN ĐỀ LẶT VẶT

**QUYỂN THỨ MƯỜI TÁM**

- GIỚI PHÁP CỦA SA-DI

**QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN**

- LƯỢC GIẢI THÍCH KIỀ-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI,  
TIỂU THEO TỨ PHẦN LUẬT TẠNG

(Số trang ổn định sau khi hoàn chỉnh)



**TRỪNG TRỊ TỶ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU**  
(TRỌN BỘ 2 TẬP)

**TẬP II**

*Việt dịch* : Sa-môn THÍCH ĐỒNG MINH

*Nhuận văn* : Sa-môn THÍCH ĐỨC THẮNG

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THANH XUÂN

Biên tập : ĐỖ THỊ QUỲNH

Sửa bản in : HOÀNG MINH

Trình bày : LÊ TRƯỜNG THỊNH

Bìa : CHÁNH TÂM NGHIÊM

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

**Nhà số 4 – Lô 11 Trần Duy Hưng – Hà Nội**

**Điện thoại : 04. 5566701 – Fax : (04) 5566702**

---

In : 1.000 bộ (trọn bộ 2 tập) khổ 14,5 x 20,5  
Tại : Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, Số 100 Lê Đại Hành,  
P.7, Q.11 – TP. HCM, ĐT : 08.8555812  
Số xuất bản : /XB-QLXB ngày  
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2005.